

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA VINH



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**2021**

# THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, đến nay chúng ta có thể tự hào rằng Nhựa, Bao bì Vinh là một trong những nhà sản xuất bao bì nhựa uy tín trên thị trường Việt Nam hiện nay. Thành công đó đến từ những giá trị cốt lõi cốt lõi mà chúng ta luôn đi theo từ những ngày đầu thành lập. Đó chính là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, chú trọng cải tiến sản phẩm và hơn hết phương châm luôn lấy khách hàng làm trung tâm đã giúp Công ty lớn mạnh như ngày hôm nay.

## Thưa Quý vị

Năm 2021 đi qua đánh dấu nhiều bất ổn chưa từng có với kinh tế thế giới và Việt Nam. Đại dịch Covid-19 lan rộng tại nhiều nước trên thế giới là một cú sốc lớn, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội toàn cầu. Các xung đột thương mại giữa các nước, các khu vực, thiên tai, dịch bệnh đã liên tiếp tác động tới Việt Nam. Bất chấp khó khăn, kinh tế Việt Nam năm 2021 vẫn duy trì tăng trưởng đạt mức 2,58%, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm nhờ thực hiện tốt mục tiêu kép kiểm soát tốt dịch bệnh và phục hồi phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, nhìn chung các doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa đều đối mặt với không ít những thách thức tiêu biểu như đứt gãy chuỗi cung ứng trong kinh doanh, khó khăn trong tiếp cận khách hàng mới, hạn chế triển khai được kế hoạch bán hàng và đảm bảo an toàn nơi làm việc trong năm vừa qua. Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh cũng không nằm ngoài những tác động tiêu cực này nhưng với sự chủ động thích nghi với khó khăn và sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo Công ty đã giúp hoạt động kinh doanh được duy trì ở con số ấn tượng trong một năm đầy sóng gió. Doanh thu thuần năm 2021 đạt gần 1.027 tỷ đồng tương ứng với lợi nhuận sau thuế đạt 28,112 tỷ đồng. Trong tình hình đó, toàn thể ban lãnh đạo cùng cán bộ nhân viên công nhân của công ty đã không ngừng cố gắng, nỗ lực để vượt qua những khó khăn, thách thức nắm bắt được những thuận lợi của thị trường để gia tăng sản lượng, đầu tư thêm các máy móc thiết bị bao gồm: 04 máy vắt sủ và 01 máy phay kim loại, 01 máy phôi tô, 01 lò tráng và 01 đường

nối cơ sở 2. Tầm nhìn của công ty trong thời gian tới đó là phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về sản xuất bao bì. Để làm được điều này, chúng ta phải luôn cố gắng nỗ lực không ngừng trong từng yếu tố như: con người, máy móc thiết bị và lấy con người làm trung tâm trong mọi công đoạn của quá trình sản xuất. Người lao động quyết định chất lượng, người lao động cũng chính là nhân tố quyết định khách hàng. Do đó công ty không ngừng có các chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề và hỗ trợ trong những giai đoạn khó khăn như năm vừa qua.

Sang năm 2022 với những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu tiếp tục còn ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của đơn vị. Giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động tăng từ đầu năm, thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn cạnh tranh cả về chất lượng, tiến độ, giá cả, cơ chế bán hàng; một số khách hàng truyền thống tự bao tiêu sản phẩm.... Các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia đều bao gồm các đối tác quan trọng với ngành nhựa Việt Nam cả về nguyên liệu nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu. Sau khi EVFTA đi vào hiệu lực, thuế quan của hầu hết các sản phẩm nhựa xuất khẩu vào thị trường EU sẽ được gỡ bỏ. Đây sẽ là một lợi thế lớn để gia tăng sản lượng sản phẩm nhựa xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam với một thị trường quan trọng là EU. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sát cánh đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh chúng tôi sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững không chỉ năm tới mà còn cả một quá trình dài sau này nữa. Chúng tôi một lần nữa xin cảm ơn quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như những khách hàng đã gắn bó với chúng tôi, luôn tin tưởng vào những giá trị cũng như sản phẩm mà công ty mang lại và hi vọng trong những năm tiếp theo chúng tôi vẫn nhận được sự ủng hộ quý giá này từ quý vị.

Xin chân thành cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Ngô Quang Việt**



# MỤC LỤC

1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT
2. Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

## A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

## B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính

## C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá của BGD về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Phương hướng phát triển năm 2022

## D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

## E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan

## F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



TỔNG DOANH THU THUẦN NĂM 2021

**1026,87**

Tỷ đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2021

**28,11**

Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	763.32	935.17	989.72	914.98	1026.87
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	682.91	843.58	901.70	829.83	940.40
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	80.41	87.87	88.02	85.16	86.47
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26.81	27.88	28.47	27.67	28.11
<b>Bảng cân đối kế toán</b>						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	419.91	486.36	502.68	423.29	434.04
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	104.45	111.69	125.45	133.48	142.22
Nợ phải trả	Tỷ đồng	315.46	374.66	377.20	289.80	291.83
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>						
Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (ROE)		25.80%	25.80%	24.01%	21.37%	20.39%
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA)		6.38%	6.15%	5.76%	5.98%	6.56%
<b>Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu</b>						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	4,447	2,951	2,975	3,689	3,748

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH



**TẦM NHÌN  
CHIẾN LƯỢC**

Phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về lĩnh vực sản xuất, cung cấp bao bì Nhựa và lọt vào top những doanh nghiệp sản xuất bao bì Nhựa lớn nhất Việt Nam.

**SỨ MỆNH**

Mang đến những sản phẩm bao bì ngày càng chất lượng, góp phần phục vụ cuộc sống của người dân và sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia.



**GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

Công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vĩnh lượn lấy chất lượng sản phẩm làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động kể từ khi hoạt động đến bây giờ.

Mang đến những sản phẩm bao bì ngày càng chất lượng, góp phần phục vụ cuộc sống của người dân và sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia.

Đặc thù của sản xuất bao bì đó là mặc dù các công ty có thể sử dụng thiết bị, công nghệ và vật tư để sản xuất bao bì được nhập ngoại từ nhiều nước khác nhau. Nhưng về cơ bản công nghệ làm vỏ bao bì là như nhau. Do đó, doanh nghiệp rất chú trọng đến việc đổi mới nâng cấp máy móc thiết bị để gia tăng sản lượng tiết kiệm thời gian, chi phí nhân công trong quá trình sản xuất

# A.

## THÔNG TIN CHUNG

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:
2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
3. Giới thiệu Ban lãnh đạo
4. Vị thế
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro



## THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH
Tên tiếng Anh	VINH PLASTIC BAGS JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	Số 18, đường Phong Định Cảng, phường Bến Thủy, TP. Vinh, Nghệ An
Điện thoại	0238 385 5524
Fax	0238 385 6007
Email	nhuabaobivinh@gmail.com
Website	www.nhuabaobivinh.com

**VỐN ĐIỀU LỆ**  
**74,999** tỷ đồng



**VỐN ĐẦU TƯ**  
**142,216** tỷ đồng

## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Năm 1996: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4, được thành lập theo quyết định số 1531/QĐ/QP ngày 31 tháng 8 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Năm 2002: Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án thí điểm chuyển Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế thành Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

01/01/2003: Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 14 tỷ

Năm 2006: Công ty tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu

Năm 2008: Công ty tăng vốn điều lệ lên 18,983,640,000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 04/02/2010 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 66/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh (mã chứng khoán: VBC) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 17/03/2010 là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu VBC.

19/1/2011, 1,101,625 cổ phiếu của Công ty được niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày, nâng tổng khối lượng niêm yết lên 29,999,890,000 đồng.

Tháng 8/2011, công ty mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh bằng việc chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất bao bì cơ sở II tại Gia Lách, Nghi Xuân Hà Tĩnh với tổng vốn đầu tư 54 tỷ đồng.

Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nâng số vốn điều lệ lên 74,999,720,000 đồng.

## 1. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Sản xuất giấy nhẵn, bài nhẵn, bao bì từ giấy và bìa

Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Buôn bán vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

In ấn, chi tiết: In bao bì

## Các sản phẩm dịch vụ kinh doanh chính

### Nhóm sản phẩm bao bì các loại

#### - Bao bì xi măng, bao kp, pk:

Vỏ bao kp, pk là loại sản phẩm bao đóng xi măng có trọng lượng 50 kg. Bao gồm 1 hoặc 2 lớp giấy Kraft và 1 lớp vải dệt bằng nhựa PP. Sản phẩm có độ bền cao và chống được ẩm, bảo quản tốt xi măng trong quá trình vận chuyển và lưu kho.

#### - Bao bì PP:

Bao bì PP dệt đóng gói các sản phẩm đóng gói thức ăn chăn nuôi, nông sản, phân bón, bột đá... theo yêu cầu của khách hàng về thông số kỹ thuật và chất lượng.

#### - Bao bì OPP, BOPP:

Đa dạng kiểu dáng, màu sắc, hình ảnh là dạng túi PP dệt được ghép với màng BOPP.

#### - Bao bì PE:

Trong suốt, hơi có ánh mờ, có bề mặt bóng láng, mềm dẻo; Chống thấm nước và hơi nước tốt; Chống thấm khí O<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub> và dầu mỡ đều kém; Chịu được nhiệt độ cao (dưới 230o C) trong thời gian ngắn.

#### - Bao Jumbo, Sling (FIBC):

Vỏ bao Jumbo, Sling là loại bao đựng hàng có kích thước lớn, có thể đựng với khối lượng 1 tấn - 1,5 tấn - 2 tấn trong một vỏ bao, có khả năng chống ẩm, chịu lực lớn khi vận chuyển.

#### - Hạt nhựa PP:

Nhựa Polypropylene (PP), có tính bền cơ học cao, khá cứng, trong suốt, độ bóng bề mặt cao cho khả năng in ấn cao, nét in rõ. Ngoài ra có tính chất chống thấm O<sub>2</sub>, hơi nước, dầu mỡ và các khí khác.

#### - Hạt nhựa HDPE, LDPE, LLDPE:

Polyetylen (tiếng Anh: polyethylene hay polyethene; viết tắt: PE), là một nhựa nhiệt dẻo (thermoplastic) được sử dụng rất phổ biến trên thế giới. Polyetylen là một hợp chất hữu cơ (poly) gồm nhiều nhóm etylen CH<sub>2</sub>-CH<sub>2</sub> liên kết với nhau bằng các liên kết hydro no Polyetylen được điều chế bằng phản ứng trùng hợp các monome etylen (C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>). Nhựa PE có ba nhóm quan trọng nhất là HDPE; LDPE; LLDPE

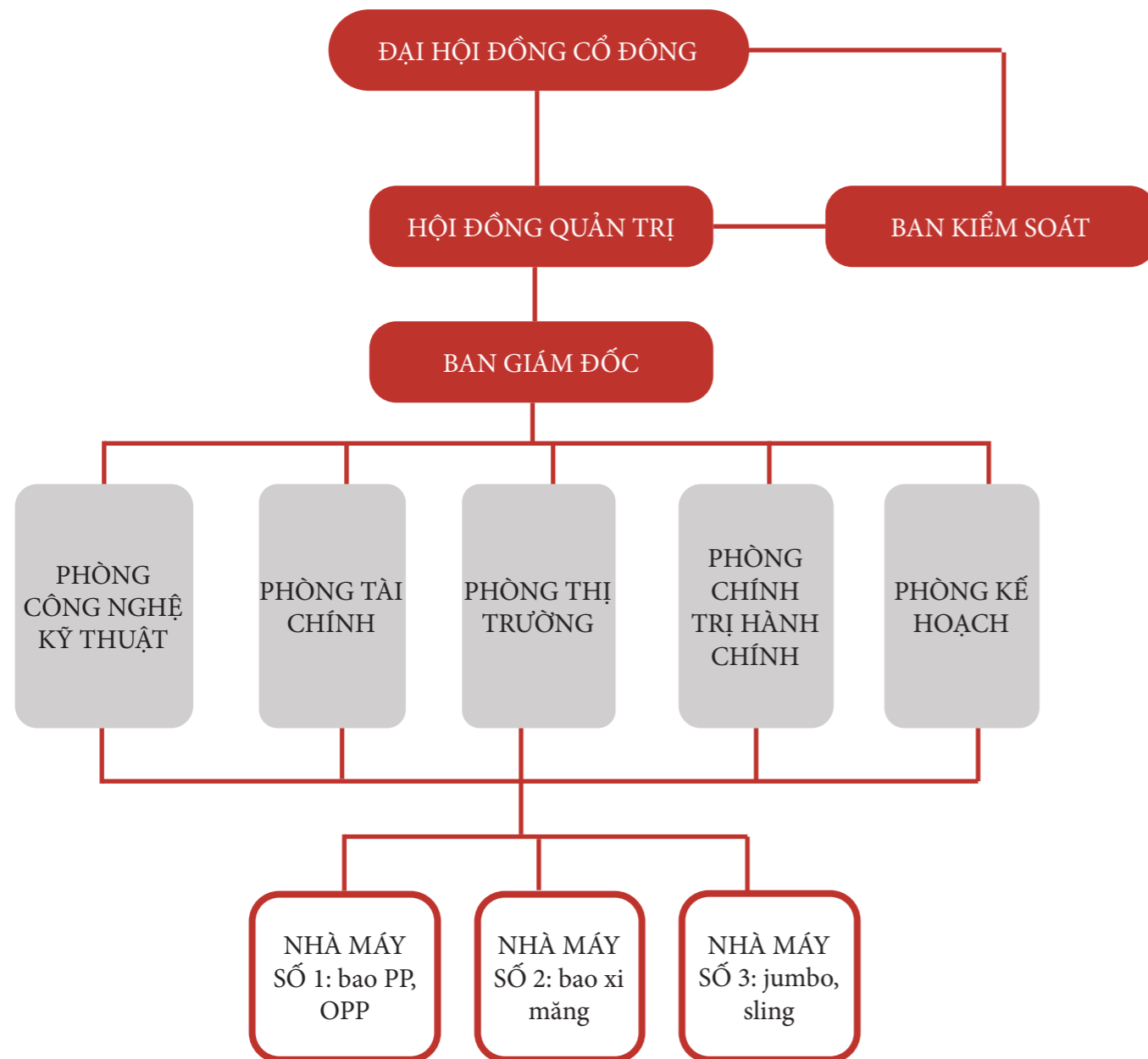
#### - Hạt nhựa tái sinh PP:

Đây là nhựa cũ được tái sinh ra loại sản phẩm nhựa khác. Nhựa thu gom lại sẽ được phân loại và tái chế riêng theo từng quy trình khác nhau để tạo ra hạt nhựa tái sinh.

Hạt nhựa tái sinh PP sau khi tái chế sẽ được dùng để dệt thành các bao bì nhựa với kích cỡ lớn

### Nhóm sản phẩm các loại hạt

## 2. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



### Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả cá cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm, phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty; tổ chức lại và giải thể công ty.

### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty; HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

*Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Đội ngũ lãnh đạo và quản trị điều hành công là những người có trình độ, tâm huyết vì sự phát triển của VBC*

### Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm một Giám đốc và một Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Phó Giám đốc. Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty.

### Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, do HĐQT lựa chọn. Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

### Phòng Kế hoạch

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch, và đầu tư, công tác quản lý, đảm bảo công nghệ kỹ thuật, quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm và đổi mới, cải tiến ứng dụng công nghệ mới. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm, quý, tháng, đột xuất và các dự án đầu tư phát triển của Công ty, là trung tâm điều hành và phối hợp giữa các phòng ban phân xưởng thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty. Đảm bảo cung ứng vật tư nguyên nhiên liệu, tổng hợp phân tích đánh giá, báo cáo kết quả SXKD hàng tháng, quý, năm.

### Phòng thị trường

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác thị trường, xây dựng chiến lược thị trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch thị trường dài hạn, ngắn hạn, khai thác m kiếm, mở rộng thị trường, thực hiện công tác dịch vụ sau bán hàng.

### Phòng kỹ thuật

Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc về công tác kỹ thuật thiết bị, kỹ thuật điện, công tác xây dựng cơ bản trong toàn Công ty. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa thiết bị định kỳ và đột xuất trong toàn Công ty.

### Phòng tài chính

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

### Phòng kế hoạch

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

### Phòng Hành chính chính trị

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.



### 3. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

#### Ông Ngô Quang Việt - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1971  
Nơi sinh: Quỳnh Hợp, Nghệ An  
Quốc tịch: Việt Nam

Quá trình công tác  
11/1994 - 11/2000 : Nhân viên kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
12/2000 - 08/2004: Trợ lý kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
09/2004 - 11/2005: Phó phòng kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
12/2005 - 06/2008: Trưởng phòng kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
07/2008 - 11/2008: Phó ban Quản lý khai thác gỗ lòng hồ XKMI tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
12/2008 - 02/2013: Phó Giám đốc phụ trách Kế hoạch - Kinh doanh tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
03/2013 - 09/2019: Trưởng phòng kế hoạch tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
10/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế hoạch - Kinh doanh tại Tổng công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty CP Nhựa Bao bì Vinh

#### Ông Lê Xuân Thọ - Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

Năm sinh: 1978  
Nơi sinh: Đức Thọ, Hà Tĩnh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác  
2002 - 2004: Trợ lý thị trường CTCP Nhựa, Bao bì Vinh  
2005 - 2007: Trưởng ban thị trường CTCP Nhựa Bao Bì Vinh  
2007 - 2013: Trưởng Phòng thị trường CTCP Nhựa, Bao Bì Vinh  
2013 - 2017: P. Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bì Vinh  
07/2017 - 03/2018: Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bì Vinh  
2018 - nay: Thành viên HĐQT

#### Ông Nguyễn Trung Kiên - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1978  
Nơi sinh: Đức Thọ, Hà Tĩnh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác  
2008 - 2010: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH E&Y Việt Nam  
2010 - 2019: Trưởng phòng Đầu tư/ Trưởng phòng phân tích tại Công ty cổ phần chứng khoán SSI  
2019 - nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông  
20019 - nay: Giám đốc Quan hệ nhà đầu tư tại Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings  
2020 - nay Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh

#### Bà Phạm Nguyệt Minh - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1980  
Nơi sinh: Đức Thọ, Hà Tĩnh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Thạc sỹ kế toán

Quá trình công tác  
2003 - 2007 Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Anh Hai Duy  
2007 - nay Nhân viên Kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát  
04/2016 - nay Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh

#### Ông Phan Văn Toàn - Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Năm sinh: 1978  
Nơi sinh: Đức Thọ, Hà Tĩnh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác  
2002 - 2003: Kế toán tổng hợp CT Xây lắp - Tổng Công ty HTKT  
2003 - 2016: Kế toán trưởng CT TNHH MTV khoáng sản COECCO - Tổng Công ty HTKT  
3/2017 - 3/2018: Kế toán trưởng CTCP Nhựa Bao bì Vinh  
2018 - nay: Thành viên HĐQT



### 3. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

#### Ông Trần Ngọc Sâm - Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1969  
Nơi sinh: Thọ Xuân, Thanh Hóa  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Cử nhân tài chính

Quá trình công tác  
1997 - 2006 Kế toán trưởng CTCP Nhựa - Bao bì Vinh  
2007 - 2009 Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây dựng COECCO Lào  
2010 - 2011 Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khoáng sản và luyện kim Viên Chăn  
2012 - 2013 Trợ lý PTC Phòng tài chính Tổng Công ty Hợp tác kinh tế QK 4  
2014 - 2016 Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp Cao su COECCO  
2017 - nay Trưởng ban kiểm soát chuyên trách CTCP Nhựa Bao bì Vinh

#### Ông Đinh Xuân Cường - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1976  
Nơi sinh: Hoa Lư, Ninh Bình  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Tiến sĩ

Quá trình công tác  
2003-2006 Trader of Calyon Corporate & Investment Bank, Paris  
2007 -2010 Phó Tổng giám đốc INB Investment, Việt Nam  
2011 Phó Tổng giám đốc tập đoàn Ocean  
7/2017-nay Tổng giám đốc Công ty Cổ phần An phát Holdings Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh  
2/2018-nay Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát  
7/2017-nay Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vinh

#### Bà Nguyễn Minh Trang - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980  
Nơi sinh: Hương Khê, Hà Tĩnh  
Quốc tịch: Việt Nam

Quá trình công tác  
Trợ lý kế toán tổng hợp - Tổng công ty Hợp tác kinh tế  
Trưởng BKS - công ty CP gạch ngói 30/4 (Công ty con của Tổng hợp tác kinh tế)

#### Ông Nguyễn Hữu Sơn - Phó Giám đốc

Năm sinh: 1978  
Nơi sinh: Cẩm Bình, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Cử nhân

Quá trình công tác  
2009 - 2016 Trợ lý Phòng Chính trị, Tổng Công ty Hợp tác kinh tế, QK4  
2017 - 2020 Phó Giám đốc tại Xí nghiệp VLXD Hồng Lam, TCT Hợp tác kinh tế, QK4  
2020 - nay Phó Giám đốc tại Công ty con phần Nhựa, Bao bì Vinh



### Mạng lưới khách hàng:

Hệ thống khách hàng của công ty trên khắp cả nước, có nhiều khách hàng đã gắn bó nhiều năm, một số doanh nghiệp ở thị trường trong nước như: CTCP Nhựa An Vinh, CTCP Xi măng Vicem Hoàng Mai, CTCP Xi măng Vicem Bút Sơn, CTCP Xi măng Sông Gianh,... Ngoài ra, công ty cung cấp vỏ bao KP, KPK, bao Jumbo, Sling lớn cho các nhà máy sản xuất xi măng, các sản phẩm bao PP, OPP cho các nhà máy sản xuất phân bón, sản xuất đường và phục vụ cho ngành nông nghiệp. Sản phẩm bao Jumbo; sling, bao PP, OPP của doanh nghiệp hiện đã có mặt tại thị trường các nước: New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Fiji, Nam Phi...

### Đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm:

Nguồn nhân lực quản lý được đào tạo bài bản, trình độ Đại học trở lên, có nhiều năm kinh nghiệm công tác. Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt, may... số lao động đó Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn.

### Chất lượng sản phẩm

Mọi hoạt động của mình, Công ty luôn luôn lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ đặt lên hàng đầu. Với phương châm: "Chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hợp lý, dịch vụ ngày càng hoàn hảo", các sản phẩm của Công ty luôn luôn có được chất lượng cao và ổn định với giá bán hợp lý. Nhờ áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện chặt chẽ ở tất cả các công đoạn sản xuất từ nguyên vật liệu đầu vào đến khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

### Tiềm năng phát triển:

Dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung do Các doanh nghiệp ngành nhựa bao bì chủ yếu tập trung tại miền Nam do miền Nam là nơi tập trung của các khu công nghiệp chế biến, đầu ra chủ yếu của ngành nhựa bao bì. Do đó, thị trường sản xuất bao bì nhựa vẫn còn dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung, nơi có năng lực logistics cảng biển rất lớn để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

### Nguyên vật liệu đầu vào phần lớn là nhập khẩu:

Nguyên vật liệu đầu vào của ngành nhựa bao bì là nhựa nguyên sinh, tuy nhiên năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của ngành nhựa Việt Nam không đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu do thượng nguồn của ngành nhựa chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, gần 85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại nguyên liệu ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

### Dây chuyền, máy móc

Hiện nay VBC chưa thể sản xuất được dây chuyền, máy móc cũng như khuôn mẫu phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm nhựa bao bì, điều này làm giảm sự đa dạng của sản phẩm nhựa bao bì đầu ra

# S

# W

# O

# T

Chi phí nhân công của Việt Nam tương đối rẻ với mức lương trung bình năm ở mức 147 USD/tháng thấp hơn khoảng 22% so với mức trung bình khu vực Đông Nam Á. Chi phí nhân công chiếm khoảng 9% trong cơ cấu chi phí sản xuất trung bình của ngành do đó chi phí nhân công rẻ là lợi thế đối với ngành nhựa Việt Nam nói chung và với hoạt động xuất khẩu sản phẩm của VBC nói riêng.

Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa bao bì chủ yếu phụ thuộc vào tăng trưởng của các ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống và thu nhập, chi tiêu của hộ gia đình nói chung. Đây là động lực chính cho tăng trưởng của các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống đầu ra của mảng nhựa bao bì. Mặt khác, đối với sản phẩm bao bì xi măng của VBC, nhu cầu cũng ngày một lớn.

Các hiệp định tự do liên tục đã được đàm phán và ký kết, bắt đầu có hiệu lực sẽ tạo điều kiện cho ngành nhựa Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận các nguồn nguyên liệu từ các khu vực trên thế giới trong bối cảnh nguyên liệu sản xuất trong nước không thể đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ đồng thời có khả năng mở rộng các thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa đặc biệt là thị trường Nhật Bản và EU. Cung nguyên liệu nhựa trong thời gian tới được kỳ vọng sẽ phát triển mạnh hơn.

Xu hướng sử dụng nhựa tái chế, sản phẩm nhựa có nguồn gốc sinh học. Chi phí nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của VBC, Hiệp hội nhựa Việt Nam cho rằng, nếu sử dụng được nguồn nguyên liệu nhựa tái chế ở mức 35-50%/năm, các doanh nghiệp có thể giảm chi phí sản xuất hơn 15%.

Nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu do thượng nguồn của ngành nhựa chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài khiến ngành nhựa khá "nhạy cảm" với biến động tỷ giá, qua đó tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của VBC. Trong năm 2021, giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, với mức tăng 1,6 lần trong năm, có nhiều thời điểm đạt mức tăng cao nhất trong lịch sử. Dưới sức ép của biến động tỷ giá và thuế nhập khẩu nguyên liệu đầu vào cao ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp, từ đó tác động đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp

Để hạn chế sử dụng bao ni lông, hiện nay các sản phẩm bao ni lông tại Việt Nam hiện đang chịu thuế Bảo vệ môi trường 30.000 – 50.000 đồng/kg, và dự kiến sẽ nâng lên mức 40.000 – 200.000 đồng/kg, nhằm mục tiêu giảm dần việc sử dụng bao nilon khó phân hủy.

Phải chịu sức ép từ các doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp FDI đang có nhiều lợi thế hơn so với doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính. Đặc biệt, các doanh nghiệp này còn có thể chịu lỗ từ 3 tới 5 năm để chiếm lĩnh thị trường, còn doanh nghiệp nội địa chỉ cần lỗ 1, 2 năm có khả năng phải đóng cửa.

Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, các loại "bao bì xanh" được ưa chuộng hơn để gia tăng thiện cảm với người tiêu dùng. Việc chuyển sang xu hướng tăng trưởng xanh, và tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng sẽ tạo ra thách thức cho VBC

## 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phấn đấu  
hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính  
trong kế hoạch 2021 đã được Tổng công ty thông qua.  
Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, an tâm tư tưởng, đảm bảo an  
toàn về tài sản, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật tư, lao động, thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã, quản  
lý chặt chẽ các định mức KTKT, chi phí phát sinh, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm; tổ  
chức điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Không ngừng tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới tuyển dụng đáp ứng được nhu cầu sản  
xuất, tiêu thụ của đơn vị, nâng dần sản lượng, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.  
Góp phần nâng cao năng suất máy móc thiết bị mới đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao kiến thức cho người lao động về quy trình vận hành sử  
dụng thiết bị đặc biệt là hệ thống dây chuyền bao dán đáy; Nghiêm túc thực hiện chế độ công tác bảo  
dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch đã xác định. Tăng cường áp dụng, cải tiến MMTB; đổi mới, cải tiến công  
nghệ - kỹ thuật để bù đắp một phần do giá nguyên liệu tăng, giữ ổn định hiệu quả sản xuất.

Thường xuyên cập nhật sản lượng tiêu thụ sản phẩm để đối chiếu công nợ và nắm chắc thông tin khả  
năng tài chính của từng khách hàng, tận dụng các cơ hội để thu hồi nợ; tập trung quyết liệt thu hồi  
nợ ở các khách hàng chậm trả, nợ khó đòi, hạn chế tối đa các rủi ro về nợ. Quan tâm đảm bảo vốn  
cho sản xuất, đầu tư và thanh toán chế độ chính sách cho người lao động. Kiểm soát và quản lý hoạt  
động tài chính thực hiện theo đúng quy chế quy định, khắc phục dứt điểm những tồn tại, hạn chế  
sau mỗi lần thanh kiểm tra, kiểm toán.

Khai thác tối đa sản lượng các khách hàng truyền thống, tranh thủ tìm kiếm mở rộng các thị  
trường mới trong và ngoài nước. Phát triển thị trường bao dán đáy để bổ sung cho sản lượng  
thiếu hụt của bao xi măng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị  
trường, nâng cao uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

Là doanh nghiệp có uy tín trong hoạt động kinh doanh nên VBC có khả năng tận  
dụng tốt các chính sách ưu đãi của các tổ chức tín dụng .

Đã có trên 20 năm kinh nghiệm sản xuất kinh doanh bao bì, sản phẩm của VBC  
đã tạo được vị thế trên thị trường, Công ty đã xây dựng một thương hiệu uy tín về  
chất lượng, phù hợp về giá thành, là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong  
tương lai.

Ban lãnh đạo VBC có những bước đầu tư chiến lược hợp lý, đúng thời điểm,  
có hiểu biết sâu sắc về công nghệ và sự tương quan chiến lược giữa công  
nghệ và thị trường. Đồng thời, các thành viên Ban lãnh đạo tích lũy được  
nhiều kinh nghiệm trong quá trình quản lý, tổ chức kỹ thuật, hoạch định sản  
xuất kinh doanh nhiều năm trong ngành; tập thể lãnh đạo, người lao  
động đoàn kết, gắn bó, cùng chung lợi ích và chí hướng duy trì phát  
triển Công ty.

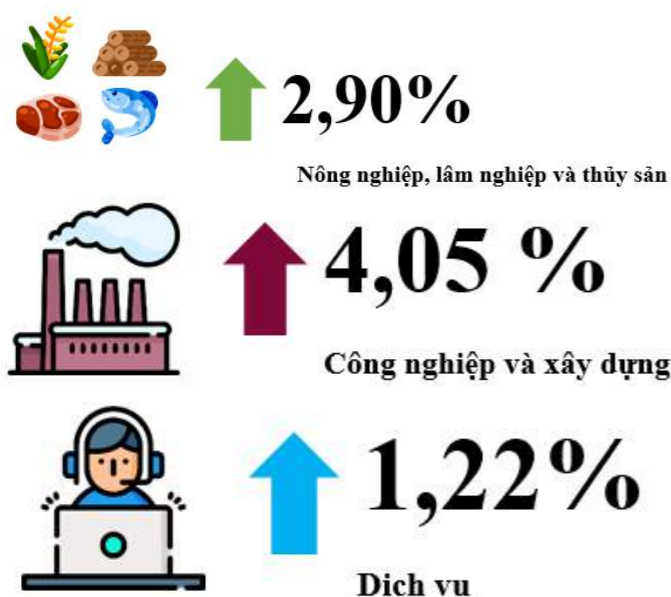
## 4. VỊ THẾ DOANH NGHIỆP

“VBC luôn mong muốn là một doanh  
nghiệp sản xuất ổn định, tối ưu đồng  
thời cung cấp ra thị trường những sản  
phẩm bao bì nhựa chất lượng nhằm  
đạt được hiệu quả kinh doanh trong  
dài hạn.”

## 6. RỦI RO

Trong suốt hơn 20 năm gây dựng và phát triển, để có được những bước đi ngày một bứt phá, bên cạnh công tác tối ưu hóa sản xuất kinh doanh, công tác quản trị rủi ro luôn là chiếc chìa khóa để chặng đường của VBC ngày một bền vững. Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trong lĩnh vực sản xuất nhựa bao bì, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ràng buộc bởi các nhân tố rủi ro như: Rủi ro về kinh tế, rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro pháp luật, rủi ro đặc thù ngành, rủi ro môi trường, các nhân tố rủi ro khác, ...

### Rủi ro về Kinh tế



GDP năm 2021 đạt mức tăng trưởng thấp hơn năm 2020 song vẫn là kết quả đáng ghi nhận. Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 ghi nhận mức tăng trưởng là 2,58% so với năm 2020. Mức tăng trưởng năm 2021 phản ánh những khó khăn do dịch bệnh Covid tác động tới mọi lĩnh vực của kinh tế khiến cho một số ngành giảm mức tăng so với năm trước đặc biệt là ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn với mức tăng trưởng âm.

- Từ phía cung, trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, đóng góp lớn

nhất vào tăng trưởng GDP là khu vực công nghiệp - xây dựng duy trì mức tăng trưởng 4,05%, đóng góp 63,80%; trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%, đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Đây là nhóm ngành tác động lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Từ phía cầu, theo TCTK, năm 2021 tiêu dùng cuối cùng tăng 2,09% so với năm trước đó, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,5% so với năm 2020 (năm trước tăng 3,3%), trong đó chỉ số tiêu thụ đối với sản phẩm từ cao su và plastic năm 2021 so với năm 2020 là 108,6%.

Hoạt động sản xuất xi măng, sản xuất phân bón và hoạt động bán lẻ là những yếu tố tác động lớn đến cầu của VBC. Cụ thể:

+ Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2021 đạt 3.751,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,9% tổng mức và tăng 12,7% so với năm trước;

+ Chỉ số sản xuất một số sản phẩm công nghiệp: phân u rê tăng 13%, phân hỗn hợp NPK tăng 0,1%.

### Rủi ro về pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Nhựa nói riêng. Đặc biệt, đây còn là 1 trong 10 ngành công nghiệp được Chính phủ ưu tiên phát triển thành ngành kinh tế mạnh. Mặc dù các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của các công ty nhựa đã xây dựng và ban hành, nhưng hiện nay ngành Nhựa vẫn còn thiếu quy định của Nhà nước về nhập khẩu phế liệu sản xuất để tái sinh nhằm hạ giá thành đầu vào cho ngành Nhựa, gây khó khăn cho Công ty trong việc chủ động nguyên liệu đầu vào và giảm chi phí.

### Rủi ro về ngành

Do ngành bao bì nhựa yêu cầu quy mô vốn đầu tư không cao, trong khi đó khả năng thu hồi vốn nhanh khiến cho rào cản gia nhập ngành ở mức thấp. Hiện có khoảng 1.353 doanh nghiệp hoạt động trong ngành nhựa bao bì. Bên cạnh đó, ngành nhựa Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng vì vậy các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam nói chung và CTCP Nhựa Bao bì Vinh nói riêng có nguy cơ phải đối mặt với sức cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI đặc biệt là trong giai đoạn giá nguyên liệu nhựa đang ở mức tương đối thấp như hiện nay.

Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường cũng là một thách thức đối với ngành nhựa Việt Nam khi trong cơ cấu xuất khẩu của ngành, các sản phẩm bao bì truyền thống không thân thiện với môi trường chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Điều này đòi hỏi VBC nói riêng và ngành Nhựa Việt Nam nói chung cần có những bước đi đột phá với những sản phẩm sáng tạo, bắt kịp xu hướng tiêu dùng luôn luôn thay đổi.

Mặt khác, ngành Nhựa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị kiện bán phá giá. Hàng hóa Việt Nam cũng như của một số quốc gia khác có nguy cơ bị kiện bán phá giá và áp mức thuế chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành bao bì nhựa của nước nhập khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản,...

### Rủi ro về tài chính

Lạm phát:

Năm 2021, nền kinh tế toàn cầu chịu ảnh hưởng chung bởi tình hình dịch bệnh căng thẳng kéo dài khiến cho

Lạm phát cơ bản tháng 12/2019 tăng 0,68% so với tháng trước và tăng 2,78% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 tăng 2,01% so với bình quân năm 2018.

Lãi suất

Mặt bằng lãi suất tăng sẽ kéo theo xu hướng cắt giảm, thu hẹp quy mô và phạm vi của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế, hoặc ngược lại sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. Lãi suất cho vay thấp luôn là động lực khuyến khích doanh nghiệp mở rộng đầu tư, phát triển các hoạt động SXKD và qua đó kích thích tăng trưởng toàn bộ nền kinh tế. Theo TCTK, lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn, nhiều ngân hàng thương mại đã đồng loạt công bố giảm lãi suất cho vay góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

Tỷ giá

Với lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa, bao bì; nguyên vật liệu được nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn, nên rủi ro về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu, chi phí cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VBC.

### Rủi ro về nguyên liệu

Gần 85% nguyên phụ liệu phải nhập khẩu: Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, 85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

Tỷ giá tác động tới chi phí đầu vào: Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài khiến ngành nhựa khá "nhạy cảm" với biến động tỷ giá, qua đó tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của các doanh nghiệp nhựa.

Cạnh tranh trong ngành nhựa của Việt Nam ở mức cao. Nguyên nhân do ngành nhựa Việt Nam có rào cản gia nhập ngành tương đối thấp, thị trường phân mảnh nhất là đối với sản phẩm nhựa bao bì, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong mảng nhựa bao bì lên đến 1.353 doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sản phẩm của ngành nhựa Việt Nam không có quá nhiều khác biệt về mẫu mã cũng như chất lượng nên sức mạnh mặc cả của khách hàng là cao.

# B.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính



# 1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## Thông tin về ngành

Ngành nhựa Việt Nam là một trong các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh so với nền kinh tế nói chung. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2017, ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng trung bình 11,6% một năm nhanh hơn so với mức tăng trưởng 3,9% của ngành nhựa thế giới và nhanh hơn so với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,2% của Việt Nam trong cùng giai đoạn. Các sản phẩm đầu ra của ngành nhựa Việt Nam được ứng dụng trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau từ tiêu dùng, thương mại cho đến xây dựng, lắp ráp và được phân chia làm bốn mảng chính là các sản phẩm nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO, từ 2007 đến nay, đây là giai đoạn tiếp tục phát triển nhanh của ngành. Ngành nhựa phát triển mạnh, đa dạng hóa sản phẩm của mình trong cả bốn mảng sản phẩm là nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Việc duy trì chính sách mở cửa khiến dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam nhiều hơn tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp chế biến, thực phẩm, đồ uống tạo động lực giúp mảng nhựa bao bì phát triển mạnh mẽ.

Ngành nhựa Việt Nam vẫn đang ở trong giai đoạn tăng trưởng tốt. Ngành nhựa thế giới hiện tại đã bước vào giai đoạn bão hòa với tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2000 - 2017 chỉ khoảng 3,7% - 3,8% một năm. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng sản lượng của ngành nhựa Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2017 vẫn giữ ở mức 10,8% tuy đã giảm khoảng 5,4 điểm phần trăm so với giai đoạn tăng trưởng

nhanh trước đó. Mảng nhựa bao bì được dự báo gia tăng mạnh về sản lượng tuy nhiên có xu hướng dịch chuyển sang mảng nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Theo các báo cáo ngành nhựa năm 2021, việc giá nguyên vật liệu tăng nóng, cùng với sự bùng phát mạnh của Covid 19 đã khiến toàn ngành điều đứng. Trong khoảng thời gian giãn cách xã hội, nhiều doanh nghiệp nhựa nằm tổng khu phong tỏa, công suất hoạt động chỉ ở mức 30-50% làm ảnh hưởng đến doanh thu và dòng tiền của công ty. Nhu cầu đối với các sản phẩm nhựa giữ tốc độ tăng trưởng 5-7%, giá hạt nhựa năm 2021 cao hơn bình quân năm 2020, do đó mà biên lợi nhuận của một số doanh nghiệp nhựa bị giảm.

Trong giai đoạn sau đại dịch, theo đánh giá của các chuyên gia, triển vọng cho ngành nhựa trong thời gian tới sẽ thuận lợi hơn nhờ việc Việt Nam ký kết hàng loạt các FTA thế hệ mới trong thời gian gần đây (như CPTPP, EVFTA, RCEP) giúp mở ra cơ hội thu hút đầu tư không chỉ ở các nước đối tác FTA mà cả các nước khác (để đầu tư sản xuất hàng hóa tại Việt Nam và xuất khẩu đi tận dụng các cơ hội của FTA). Ngành nhựa cũng không nằm ngoài cơ hội này.

Tăng trưởng ngành Nhựa được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức trung bình ở mức 6,5% giai đoạn 2019 - 2023. Hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam là mảng nhựa bao bì và nhựa xây dựng vẫn được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng chính của ngành.

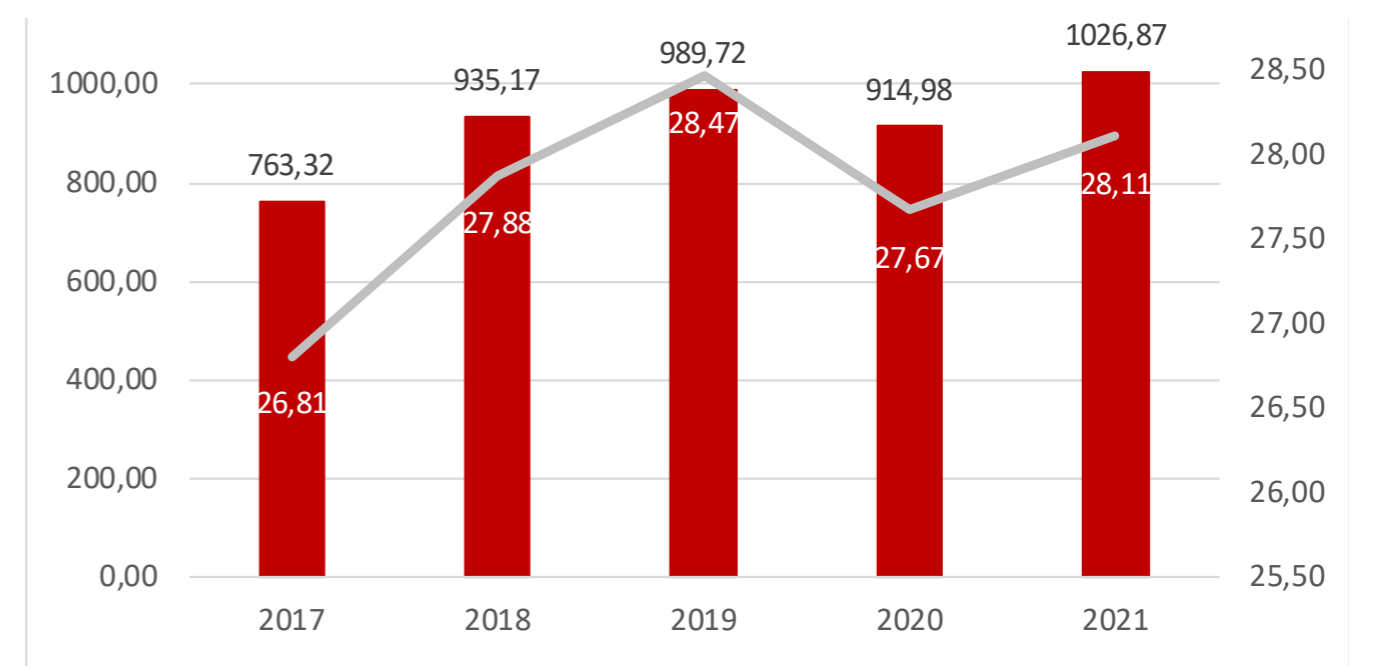


## Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Kết thúc năm 2021, doanh thu thuần đạt 1026,87 tỷ đồng vượt 12,23% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 27,67 đồng vượt 1,59% so với kế hoạch đề ra.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh TH với KH của 2021 (%)	So sánh với cùng kỳ 2020 (%)
1	Sản lượng tiêu thụ	Bao	126.870.000	128.409.985	101,2%	104,9%
<i>Trong đó</i>						
	- Bao xi măng	Bao	103.500.000	100.131.342	96,7%	100,4%
	- Bao PP	Bao	19.100.000	24.224.908	126,8%	129,3%
	- Bao BOPP	Bao	2.350.000	2.205.907	93,9%	94,5%
	- Bao Jumbo, Sling	Bao	1.920.000	1.847.828	96,2%	112,8%
	- Bán thành phẩm	kg	2.800.000	2.549.878	91,1%	91,8%
2	Doanh thu	Tr.đồng	930.005	1.029.663	110,7%	112,2%
3	LN trước thuế	Tr.đồng	34.5	35.287	102,3%	100,5%
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	33.794	23.829	70,5%	88,1%

Biểu đồ Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2017-2021 (tỷ đồng)



Năm 2021 là một năm tương đối khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp nói chung, và VBC nói riêng, vượt qua những khó khăn do Covid gây ra như giãn cách kéo dài, chi phí đầu vào tăng cao so với năm trước, lợi nhuận sau thuế của VBC vẫn vượt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ năm 2020 là 1,59% đạt 28,11 tỷ đồng.

Lực cản lớn đến từ tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp, kéo dài từ đầu năm cho đến nay đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Sức tiêu thụ trên thị trường nội địa giảm mạnh. Bên cạnh đó, sản lượng hàng hóa xuất khẩu cũng giảm sút do lệnh phong tỏa của các quốc gia và tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu. Công tác vận tải hàng hóa gặp khó khăn, chi phí cho vận tải phát sinh tăng do chi phí thuê container phục vụ xuất khẩu khan hiếm dẫn đến chi phí thuê công và cước đường biển tăng cao. Tuy giá nguyên vật liệu đầu vào có giảm nhưng vẫn ở mức cao so với kế hoạch. Trước những khó khăn đó đơn vị đã chủ động chuẩn bị tốt thị trường tiêu thụ sản phẩm như là tập trung vào các khách hàng đối tác lâu năm của doanh nghiệp gắn với đảm bảo các nguồn lực cho sản xuất, vì vậy các chỉ tiêu về sản xuất cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.



Trong năm 2021 các khoản chi phí cơ bản đều tăng theo tỷ lệ tăng của doanh thu và sản lượng. Duy chỉ có một số chi phí tăng vượt so với kế hoạch cụ thể như: Chi phí SMS tăng do lượng gửi bao mẫu chào hàng tìm kiếm khách hàng xuất khẩu. Chi lương học việc và bù lương do lượng lao động thường xuyên tuyển dụng để bù lượng xin chuyển ra và do dịch covid nên có thời điểm sản lượng không đạt kế hoạch, Chi phí hạ tầng cho xuất khẩu tăng do lượng xuất khẩu tăng, cont hàng khan hiếm và phí Logistic tăng cao so với các năm trước ... Do dịch covid bùng phát nên bắt buộc đơn vị phải bố trí lực lượng lao động khác địa bàn nghỉ tập trung nên phát sinh nhiều chi phí ăn nghỉ.

Mặt khác đơn vị cũng đã thường xuyên nghiên cứu cải tiến công nghệ, phát huy năng suất lao động, điều chỉnh tỷ lệ phối trộn tăng phụ gia giảm nguyên liệu chính một số mặt hàng nhằm hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả. Đồng thời phát huy công suất tối đa sản lượng vỏ bao xi măng, vỏ bao Siling, Jumbo do đó lợi nhuận của công ty trong năm vẫn duy trì đạt tỷ lệ so với kế hoạch. Nhờ đội ngũ cán bộ công nhân viên luôn nỗ lực đổi mới sáng tạo trong công việc, không ngừng cải tiến công nghệ, nghiên cứu sản phẩm phù hợp với thị hiếu thị trường và trên hết đó là những chỉ đạo kịp thời, thích nghi với thay đổi của bộ máy lãnh đạo để giữ vững vị thế của VBC trong ngành sản xuất bao bì nhựa tại Việt Nam, mà lợi nhuận của doanh nghiệp vượt kế hoạch đề ra

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Cơ cấu lao động

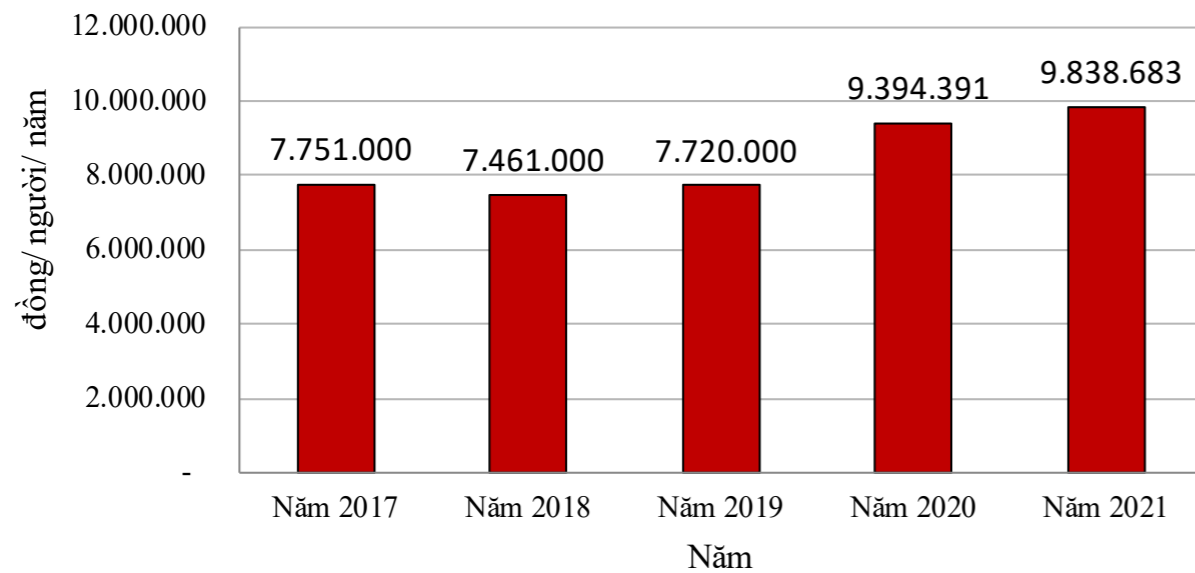
STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>1,036</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	70	7%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	170	16%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	766	74%
4	Lao động phổ thông	30	3%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>	<b>1,036</b>	<b>100%</b>
1	Lao động trực tiếp	846	82%
2	Lao động gián tiếp	190	18%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>1,036</b>	<b>100%</b>
1	Nam	426	41%
2	Nữ	610	59%
<b>IV</b>	<b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>	<b>1036</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm		
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	585	56%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	451	44%
<b>V</b>	<b>Theo cấp quản lý</b>	<b>190</b>	<b>100%</b>
1	Quản lý cấp cao	4	2%
2	Quản lý cấp trung	7	4%
3	Quản lý cấp chi nhánh	4	2%
4	Chuyên viên, nhân viên	175	92%
<b>VI</b>	<b>Theo độ tuổi</b>	<b>1036</b>	<b>100%</b>
1	Từ 18 đến 25 tuổi	264	25%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	393	38%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	236	23%
4	Trên 45	143	14%

### Chính sách nhân sự

Năm	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân của người lao động	7,751,000	7,461,000	7,720,000	9,394,391	9,838,683



## Thu nhập bình quân của người lao động trong giai đoạn 2021 - 2025



### Lương thưởng:

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số. Hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn... Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty

Lao động gián tiếp Công ty trả lương khoán theo vị trí công việc được giao theo tháng. Lao động trực tiếp Công ty trả lương theo đơn giá, định mức sản phẩm.

Người lao động làm việc thêm giờ ngày bình thường được thanh toán thêm 50%, làm ca đêm thanh toán thêm 50% tiền lương, nếu làm việc vào ngày lễ được thanh toán 300% tiền lương. Các chế độ tiền lương, tiền thưởng, chế độ phụ cấp, tiền quà ngày lễ, tết, chế độ bảo hiểm, y tế, khám chữa bệnh, chế độ tham quan, du lịch, nâng bậc lương, bậc thợ vv... được giải quyết đúng đủ, công khai. Chế độ ăn ca được duy trì thường xuyên, bảo đảm được định lượng, tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm. Làm việc đủ 8 giờ/ngày được hưởng chế độ ăn cơm ca với mức 20.000 đồng/người/ca; Chế độ bồi dưỡng độc hại, các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở xếp loại lao động và căn cứ vào nguồn quỹ của Công ty định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm người lao động được Công ty trích quỹ khen thưởng hoàn thành kế hoạch dựa theo kết quả xếp loại lao động trong kỳ đó.

- Các chế độ tiền lương, tiền thưởng và các khoản trợ cấp được Công ty thanh toán đúng đủ vào các ngày từ 15-20 hàng tháng.

### Trợ cấp:

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

### Chính sách tuyển dụng:

Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt may... Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện ến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn. doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty

### Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên:

Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ền lương, phụ cấp theo định mức quy định.

### Chính sách an toàn, bảo hộ lao động:

CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Người lao động tại công ty được tham gia đủ 3 loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Tòa nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.



### 3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng trưởng
1. Tổng tài sản	Tỷ đồng	423.29	434.04	2.54%
2. Doanh thu thuần	Tỷ đồng	914.98	1,026.87	12.23%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	35.55	35.52	-0.08%
4. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-11.647	-9.665	-17.02%
5. Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-0.453	-0.229	-49.45%
6. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35.101	35.287	0.53%
7. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27.669	28.112	1.60%

Nhìn chung trong năm 2021, các chỉ tiêu tài chính của VBC đều ghi nhận mức tăng trưởng tương đối khả quan. Tuy nhiên đây là tình hình chung của ngành Nhựa nói chung và các doanh nghiệp sản xuất bao bì Nhựa nói riêng bởi ảnh hưởng nặng nề do việc gián đoạn hoạt động kinh doanh, sản xuất do dịch bệnh, cũng như mức cạnh tranh của thị trường bao bì. Chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn khiến cho các đơn hàng mới sụt giảm đặc biệt ở thị trường nước ngoài; càng làm tăng gánh nặng cho các khoản chi phí vận hành, trả lương nhân công đặc biệt là nguyên vật liệu để sản xuất. Thêm vào đó, tình hình thị trường về nhu cầu vỏ bao truyền thống sụt giảm mạnh, người tiêu dùng ngày càng hạn chế các sản phẩm nhựa. VBC đã rất nỗ lực để phục hồi và khắc phục những khó khăn trong giai đoạn dịch bệnh để nhà máy hoạt động liên tục mà vẫn đảm bảo an toàn về sức khỏe cho công nhân viên và doanh thu của doanh nghiệp.

#### Một số chỉ số tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021	Tỷ lệ tăng (giảm) 2021 so với 2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>							
- Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1.11	1.09	1.13	1.16	1.23	6.03%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.81	0.68	0.8	0.81	0.84	3.70%

Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021	Tỷ lệ tăng (giảm) 2021 so với 2020
<b>2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>							
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0.75	0.77	0.75	0.68	0.67	-1.47%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	3.02	3.35	3.01	2.17	2.05	-5.53%
<b>3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>							
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7.46	7.3	7.01	7.98	9.12	14.29%
- Vòng quay tổng tài sản	vòng	1.82	2.06	2	1.98	2.40	21.21%
<b>4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>							
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3.51%	2.99%	2.88%	3.02%	2.74%	-9.27%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	26.46%	25.80%	24.02%	21.37%	20.39%	-4.59%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	6.70%	6.15%	5.67%	5.98%	6.56%	9.70%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	4.47%	3.81%	3.62%	3.89%	3.46%	-10.97%

Nhìn chung trong năm trở lại đây, công ty luôn nỗ lực giảm tỷ trọng các khoản nợ trong cơ cấu vốn để tăng khả năng độc lập về tài chính trong dài hạn. Nhìn rõ nhất năm 2021, hệ số nợ/tổng tài sản còn 0,67 lần giảm 1,47% so với năm 2019 đồng thời hệ số nợ/vốn chủ sở hữu chỉ còn 2,05 lần giảm 5,53% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc vốn chủ sở hữu tăng 6,5%, và các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm hơn 44,7% và ngắn hạn cũng giảm 15% so với năm 2020.

Xét từ giai đoạn từ 2017 - 2021, các hệ số về hiệu suất hoạt động của VBC đang có xu hướng tăng, cả hai chỉ số về vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đều tăng đáng kể, cho thấy VBC đang ngày càng tối ưu hóa hiệu quả, năng lực hoạt động của mình. Đến năm 2021, vòng quay hàng tồn kho của VBC là 9,12 tăng 1,14 vòng so với năm 2020; số vòng quay năm 2021 cũng đạt 2,40 vòng cao nhất trong giai đoạn từ năm 2017-2021.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần là 2,74% giảm nhẹ so với năm 2020, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần cũng giảm 10,79% so với năm 2020 còn 3,46%. Nguyên nhân là do năm 2021, mặc dù VBC giữ được mức tăng về doanh thu bán hàng tuy nhiên do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lên đáng kể để doanh nghiệp khắc phục những khó khăn trong sản xuất và kinh doanh trong thời kỳ dịch bệnh. Năm 2021, hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu của VBC là 20,39% tương đương với tỷ lệ giảm là 4,59YoY. Nguyên nhân chủ yếu do doanh nghiệp đang hướng đến việc tự chủ về tài chính, giảm các khoản vay nợ từ bên ngoài. Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản vào năm 2021 ghi nhận tăng 9,70% so với năm 2020 đạt mức 6,56%.

# C.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Phương hướng phát triển



## 1. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2021 nhưng tập thể đội ngũ cán bộ công nhân viên CTCP Nhựa, Bao bì Vinh với tinh thần hăng say lao động, tích cực đổi mới và bên cạnh đó là nhờ có sự điều hành, chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo, VBC luôn bắt kịp với những thay đổi của thị trường, luôn đổi mới sáng tạo, gây dựng được vị thế trên thị trường và tạo dựng niềm tin cho đối tác. Năm 2021, VBC đã gặt hái được những thành tựu nhất định. So với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra, năm 2021, lợi nhuận sau thuế đạt 28.112 tỷ đồng tăng 2% so với kế hoạch. Về quy mô sản xuất, VBC đang thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị nhà xưởng nhằm nâng cao sản lượng sản xuất, mở rộng quy mô nhà xưởng để đáp ứng chiến lược kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	763.32	935.17	989.72	914.98	1026.87
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	682.91	843.58	901.70	829.83	940.40
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	80.41	87.87	88.02	85.16	86.47
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26.81	27.88	28.47	27.67	28.11
<b>Bảng cân đối kế toán</b>						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	419.91	486.36	502.68	423.29	434.04
Vốn điều lệ	Nghìn Đồng	74,999,600	74,999,600	74,999,600	74,999,600	74,999,600
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	104.45	111.69	125.45	133.48	142.22
Nợ phải trả	Tỷ đồng	315.46	374.66	377.20	289.80	291.83
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	25.80%	25.80%	24.01%	21.37%	20.39%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	6.38%	6.15%	5.76%	5.98%	6.56%
<b>Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu</b>						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	4,447	2,951	2,975	3,689	3,748

Trong năm 2021 công ty thường xuyên quan tâm thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ để đảm bảo vốn phục vụ sản xuất. Công nợ khách hàng được mở theo dõi chi tiết đến từng loại ngoại tệ và từng khách hàng cụ thể. Các khoản công nợ hàng tháng được phân loại theo từng thời hạn nợ và phân công thành viên trong Ban thu hồi nợ bám nắm liên lạc, làm công văn thu nợ thường xuyên nên phần nào đã đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ SXKD và đầu tư tăng năng lực. Tổng số dư công nợ phải thu phát sinh trong kỳ là 1.109,23 tỷ đồng, đã thu hồi và đối trừ được 1.098,43 tỷ đồng. Số dư công nợ phải thu cuối kỳ còn lại 227,79 tỷ đồng (tăng 10,8 tỷ đồng so với đầu năm Tuy nhiên nợ phải thu phát sinh trong năm tăng 119 tỷ so với 2020), số trích lập dự phòng nợ khó đòi trong năm là 82.8 triệu đồng. Công nợ của năm 2020 đã thu hồi hết và thu đạt 76,6% số phát sinh của năm 2021.

Mặt khác với doanh thu phát sinh ngoại tệ tăng nên đơn vị sử dụng phương án vay ngoại tệ để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Tuy có ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá nhưng lãi suất vay usd vẫn hiệu quả hơn so với vay bằng VNĐ vì lãi suất vay usd thấp và lượng usd xuất khẩu cơ bản đảm bảo bù đắp lượng vay usd tại ngân hàng. Chi phí lãi vay giảm hơn 4,39 tỷ so với kế hoạch.

## 2. Phương hướng phát triển năm 2022

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính trong kế hoạch 2022 đã được Tổng công ty thông qua. Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, an tâm tư tưởng, đảm bảo an toàn về tài sản, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh Covid.

Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật tư, lao động, thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã, quản lý chặt chẽ các định mức KTKT, chi phí phát sinh, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm; tổ chức điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Không ngừng tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới tuyển dụng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của đơn vị, nâng dần sản lượng, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Góp phần nâng cao năng suất máy móc thiết bị đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao kiến thức cho người lao động về quy trình vận hành sử dụng thiết bị đặc biệt là hệ thống dây chuyền bao dán đáy; Nghiêm túc thực hiện chế độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch đã xác định. Tăng cường áp

dụng, cải tiến MMTB; đổi mới, cải tiến công nghệ - kỹ thuật để bù đắp một phần do giá nguyên liệu tăng, giữ ổn định hiệu quả sản xuất.

Thường xuyên cập nhật sản lượng tiêu thụ sản phẩm để đối chiếu công nợ và nắm chắc thông tin khả năng tài chính của từng khách hàng, tận dụng các cơ hội để thu hồi nợ; tập trung quyết liệt thu hồi nợ ở các khách hàng chậm trả, nợ khó đòi, hạn chế tối đa các rủi ro về nợ. Quan tâm đảm bảo vốn cho sản xuất, đầu tư và thanh toán chế độ chính sách cho người lao động. Kiểm soát và quản lý hoạt động tài chính thực hiện theo đúng quy chế quy định, khắc phục dứt điểm những tồn tại, hạn chế sau mỗi lần thanh kiểm tra, kiểm toán.

Khai thác tối đa sản lượng các khách hàng truyền thống, tranh thủ tìm kiếm mở rộng các thị trường mới trong và ngoài nước. Phát triển thị trường bao dán đáy để bổ sung cho sản lượng thiếu hụt của bao xi măng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

# D.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT



# 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mặc dù năm 2021, gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh, cạnh tranh về thị trường, nhưng HĐQT đã chỉ đạo, triển khai kế hoạch SXKD, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm giúp Ban điều hành tổ chức hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đặc biệt là đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

Ngoài các phiên họp, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

HĐQT thường xuyên rà soát, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban điều hành công ty, luôn đảm bảo việc vận hành, quản lý hoạt động SXKD đúng quy định pháp luật và quy chế quản trị nội bộ. Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực thuộc thẩm quyền để giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ sát với các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Các báo cáo tình hình quản trị của Công ty trong năm 2021 được công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên trang thông tin của Công ty đúng quy định.

Giai đoạn từ năm 2018 đến đầu năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất tăng mạnh; cạnh tranh về thị trường tiêu thụ gay gắt... ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của đơn vị.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	%TH/KH	So với cùng kỳ 2020
I	Sản lượng sản xuất	Tr.bao	126.87	128.409	101.20%	104.90%
II	Tổng Dthu và TN khác	Tr.đ	930,005	1,029,662	110.40%	112.20%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	34,500	35,287	102.30%	100.50%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	27,566	28,112	102.00%	101.60%
V	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	9,387,525	9,838,683	104.80%	104.70%

Các thành viên HĐQT với nhiệm vụ quyền hạn được phân công phù hợp với quy định của Điều lệ, đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm tập thể, có những đóng góp tích cực trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tiễn, phát huy những thế mạnh của Công ty, chỉ đạo và định hướng để Ban điều hành hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các hoạt động sản xuất kinh doanh đều lấy khách hàng làm trọng tâm. Các chiến lược, kế hoạch phát triển thị trường, cách thức quản lý... được chú trọng, triển khai kịp thời. Tăng trưởng bình quân hàng năm từ 2018 đến 2021: Sản lượng là 3,2%; Doanh thu là 6,9%; Cổ tức là 16,5%.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã xác định và triển khai kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh hằng năm. Nhiệm kỳ qua, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát để đảm bảo kết quả thực hiện các mục tiêu đã đề ra theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

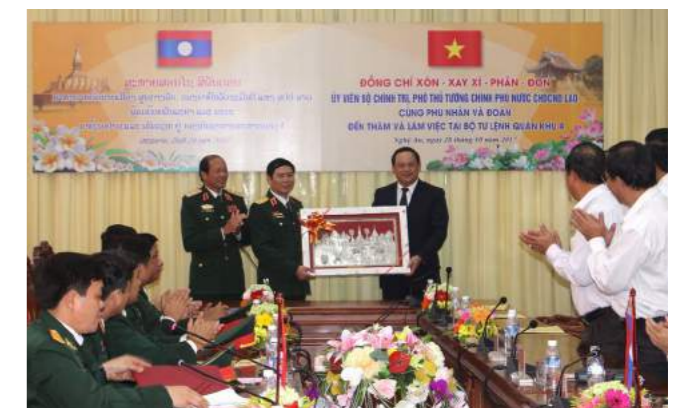
TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Vốn điều lệ	74.999	74.999	74.999	74.999
2	Sản lượng (triệu bao)	124.47	127.48	122.46	128.41
3	Doanh thu và TN khác	932,205	991,438	917,818	1,029,662
4	Lợi nhuận trước thuế	35,041	36,158	35,101	35,287
5	Lợi nhuận sau thuế	27,877	28,478	27,669	28,112
6	Lại cơ bản /CP (đồng)	2,951	2,976	2,891	2,625
7	Cổ tức (%)	12	18	18	18
8	Thu nhập bquân (đ/ng/th)	8,587,635	8,950,195	9,394,319	9,838,683

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid 19 kéo dài, nhưng nhìn chung trong cả nhiệm kỳ công ty vẫn luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo công ăn việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động;

Cụ thể, trong nhiệm kỳ qua Công ty đã đầu tư tăng năng lực sản xuất và thay thế một số máy móc thiết bị đã sử dụng nhiều năm bị hư hỏng xuống cấp; tổng giá trị đầu tư là 58 tỷ đồng; trong đó đã hoàn thành và đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất bao xi măng dán đáy, máy in, máy dệt và một số máy móc thiết bị khác;

Ban kiểm soát đánh giá cao sự năng động, nhạy bén và những cố gắng của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và sử dụng vốn cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế do dịch bệnh Covid 19 gây ra; trong cả nhiệm kỳ công ty luôn tăng trưởng, phát triển ổn định, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, chất lượng sản phẩm vẫn luôn được duy trì tốt, khẳng định được uy tín và thương hiệu trên thị trường, tạo cơ hội phát triển cho Công ty trong những giai đoạn tiếp theo;

Qua 4 năm nhiệm kỳ hoạt động, Ban kiểm soát luôn nhận được sự tín nhiệm, ủng hộ của quý vị cổ đông, sự phối hợp, cộng tác, tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan của Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.





## 2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Thông qua Báo cáo tài chính và Kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, 6 tháng, năm. Định hướng công tác đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, công tác công nghệ chất lượng.
- Thông qua phương án đầu tư đầu tư máy móc thiết bị thay thế tăng năng lực sản xuất.
- Định hướng mô hình tổ chức biên chế. Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Việc điều hành SXKD của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo các hoạt động của Công ty thực hiện đúng nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Định kỳ HĐQT thông qua Báo cáo tài chính và Kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, 6 tháng, năm do Ban điều hành báo cáo. Định hướng công tác đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, phát triển thị trường và công tác công nghệ chất lượng.

Trong năm 2021, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh đầy đủ, minh bạch. Ban điều hành đã tuân thủ các yêu cầu về trình, duyệt của HĐQT tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất. Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày được tuân thủ theo quy trình quản lý.

## 3. Kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2022

Dự kiến trong sáu tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh covid-19 tiếp tục còn ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của đơn vị. Giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động tăng từ đầu năm, thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn cạnh tranh cả về chất lượng, tiến độ, giá cả, cơ chế bán hàng... Vì vậy, sản lượng tiêu thụ của Công ty sẽ gặp không ít khó khăn. Những yêu cầu về chỉ tiêu, kế hoạch SXKD, công tác quản lý và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động là những thách thức lớn đang đặt ra cho Công ty. Trước những đặc điểm tình hình nêu trên, HĐQT xác định kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

3.1. HĐQT tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát, Ban điều hành trong quan hệ công tác vì lợi ích chung của công ty, của cổ đông với tinh thần trách nhiệm cao nhất và thường xuyên chủ động tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn; tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. Duy trì chế độ họp định kỳ hàng quý và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và các nghị quyết trong năm 2022 kịp thời.

3.2. Bám sát chỉ tiêu kế hoạch và nhu cầu thị trường tiêu thụ để ra nghị quyết triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng quý, 06 tháng và năm hoặc trong từng trường hợp cụ thể phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

3.4. Chỉ đạo triển khai công tác đầu tư đảm bảo có hiệu quả, đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật. Tập trung đầu tư các hạng mục thiết yếu cần ưu tiên trước.

3.5. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, vật tư, tài sản Công ty theo các nghị quyết của HĐQT.

3.6. Xem xét, đánh giá việc tuân thủ, chấp hành các nội quy, quy chế, quy định do Công ty ban hành trong hoạt động thực tiễn và công tác triển khai thực hiện các nghị quyết.

3.3. Phê duyệt và giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2022. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung hệ thống định mức KTKT, tổ chức biên chế và định biên Công ty năm 2022.



# E.

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ





## 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT chấp hành đầy đủ quy chế hoạt động, ngoài các phiên họp định kỳ, HĐQT thường xuyên bàn bạc, thảo luận, thống nhất qua các cuộc họp bất thường, qua trao đổi điện thoại, trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời thông qua các vấn đề và ban hành các nghị quyết, quyết định về đầu tư, nhân sự, định hướng về sản xuất kinh doanh; ban hành và sửa đổi, bổ sung đầy đủ các quy chế về quản trị nội bộ, điều lệ công ty, tổ chức bộ máy... giúp cho Công ty hoạt động ngày càng quy củ, nề nếp.

### Các cuộc họp của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Quang Việt	4	100%	
2	Ông Lê Xuân Thọ	4	100%	
3	Ông Phan Văn Toàn	4	100%	
4	Ông Nguyễn Trung Kiên	4	100%	
5	Bà Phạm Nguyệt Minh	1	25%	Ủy quyền

### Các nghị quyết và quyết định của HĐQT

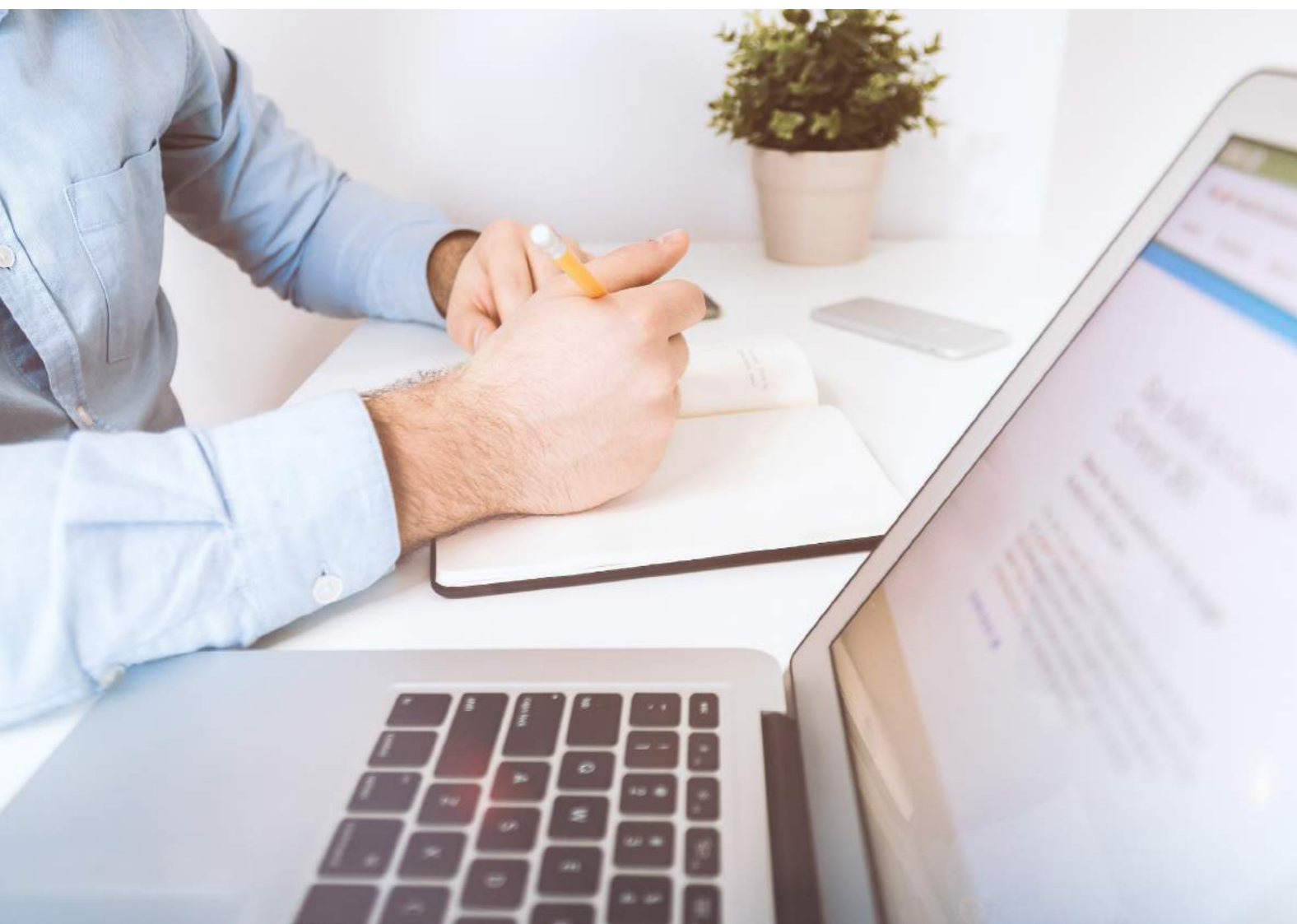
TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	73/ NQ-HĐQT	1/3/2022	Thông qua các nội dung tại phiên họp Quý 1/2021 của HĐQT
2	87/NQ-VBC	11/3/2022	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021
3	105/ NQ-HĐQT	19/3/2022	Thông qua việc xin gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
4	200/NQ-ĐHĐCĐ	7/5/2022	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên 2021
5	208/NQ-HĐQT	12/5/2022	Về việc chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền
6	112/QĐ-VBC	23/3/2022	V/v Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc thiết bị gói thầu “Máy kéo sợi PP 600kg/h” thuộc dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất”
7	185/QĐ-VBC	27/4/2022	Phê duyệt danh sách ngăn các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế gói thầu “Máy kéo sợi PP 600kg/h” thuộc dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất”
8	220/QĐ-VBC	20/5/2022	Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về hồ sơ đề xuất kỹ thuật của gói thầu “Máy kéo sợi PP 600kg/h” thuộc dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất”
9	224/QĐ-VBC	23/5/2022	Phê duyệt danh sách xếp hạng các nhà thầu của gói thầu “Máy kéo sợi PP 600kg/h” thuộc dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất”
10	229/QĐ-VBC	26/5/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu “Máy kéo sợi PP 600kg/h” thuộc dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất”
11	264/QĐ-VBC	21/6/2022	Về việc ban hành Điều lệ Công ty cổ phần nhựa, bao bì Vinh.
12	265/QĐ-VBC	21/6/2022	Về việc ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Công ty cổ phần nhựa, bao bì Vinh.
13	266/QĐ-VBC	21/6/2022	Về việc ban hành Quy chế hoạt động HĐQT Công ty CP nhựa, bao bì Vinh.
14	308/BC-HĐQT	20/7/2022	Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng năm 2021
15	416/NQ-HĐQT	13/10/2022	Nghị quyết phiên họp Quý 4/2021
16	480/QĐ-VBC	26/11/2022	Về việc phê duyệt thanh lý tài sản cố định

## 2. Ban Kiểm soát

### Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Ngọc Sâm	4	100	100	
2	Ông Đinh Xuân Cường	0	0	0	Ủy quyền
3	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	0	0	0	Ủy quyền
4	Phạm Đỗ Huy Cường	4	100	100	



## Kết quả giám sát hoạt động quản trị và điều hành năm 2021

Năm 2021 mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, dẫn tới việc các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ bị gián đoạn, lưu thông hàng hóa gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã có nhiều nỗ lực cố gắng, linh hoạt trong công tác điều hành và tổ chức sản xuất, nhạy bén trong công tác thị trường nên đã hoàn thành tốt mục tiêu kép về SXKD và phòng chống dịch; các chỉ tiêu cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra. Các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn tuân thủ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế Công ty; các Nghị quyết của ĐHĐCĐ luôn được Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Cơ quan Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời; nội bộ Công ty đoàn kết thống nhất. Về công tác tài chính, kế toán; Cơ bản chấp hành nguyên tắc, chế độ tài chính kế toán và những quy định của Pháp luật hiện hành. Hệ thống báo cáo tài chính được lập theo mẫu biểu quy định. Các chế độ tiền lương, tiền thưởng của người lao động được thanh toán đầy đủ, đúng hạn; công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh thực phẩm luôn được quan tâm chu đáo. Đơn vị đã chấp hành nghiêm nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước;

## 3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Trong năm, VBC có 01 giao dịch thuộc nhóm giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:  
 Công ty Cổ phần An Phát Holdings  
 Ngày 11/10/2021, Bán 1.840.219 cổ phiếu; Giá trị 18.402.190.000 đồng, số lượng sở hữu sau giao dịch 0%

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT...thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung
Cty cổ phần An Phát Holdings	Người có liên quan của người nội bộ	Số 0801210129, cấp ngày 31/3/2017 tại Sở KHĐT Hải Dương	11/10/2021	NQ ĐHĐCĐ số 200, ngày 07/5/2021	Bán 1.840.219 cổ phiếu; Giá trị 18.402.190.000 đồng

# F.

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục tiêu phát triển bền vững
2. Tiêu thụ nước
3. Chính sách với người lao động



Phát triển bền vững được xác định là một mục tiêu quan trọng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty. Ban lãnh đạo Công ty tin rằng phát triển bền vững xuất phát từ những nỗ lực hằng ngày của từng tế bào trong doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ tối thượng, nhưng làm sao để luôn giữ được cái tối thượng đó thì đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty cần sáng suốt trong từng chiến lược, quyết tâm trong từng hành động. Trong chiến lược phát triển dài hạn của VBC, các mục tiêu về phát triển bền vững sẽ góp phần làm gia tăng giá trị doanh nghiệp, đồng thời đóng góp cho việc xây dựng một xã hội tốt đẹp, văn minh.

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*“Xuất phát từ mục tiêu cuối cùng mà Công ty hướng đến là sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia, Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh không ngừng cố gắng nỗ lực gắn liền tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh với các hoạt động phát triển bền vững như luôn quan tâm đến khả năng tái sử dụng các nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo an toàn khi xả thải nước ra môi trường, luôn chú trọng trang bị đồ bảo hộ lao động cho người lao động hay có các hoạt động từ thiện chia sẻ đóng góp cho cộng đồng ở địa phương. Toàn thể ban lãnh đạo công ty luôn tâm niệm làm sao có thể vừa cân bằng hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển bền vững vì chỉ khi có sự ủng hộ của cộng đồng thì doanh nghiệp mới có thể đi xa phát triển lâu bền trong mọi hoàn cảnh”*



## 2. Đánh giá của Ban Giám đốc

### Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

VBC luôn nỗ lực nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. VBC có bộ phận chuyên trách về môi trường, phụ trách theo dõi và giám sát tuân thủ về môi trường của Công ty. CBCNV thường xuyên được đào tạo, nhắc nhở về sử dụng năng lượng tiết kiệm, ..cũng như các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, ngoài ra, Công ty thực hiện quan trắc môi trường đều đặn để kiểm soát hoạt động xả thải của mình.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về Bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực Nhà nước. Hệ thống quản lý môi trường tại nhà máy của VBC được tiến hành theo quy trình nghiêm ngặt giúp công ty quản lý và kiểm soát tốt hơn các mối nguy hại về môi trường,

qua đó giảm thiểu rủi ro về môi trường của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Đối với việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, nước mưa và nước thải sinh hoạt có hệ thống mương, máng để gom, xử lý và bể lắng lọc tại điểm xả cuối trước khi thải ra môi trường. Kết quả quan trắc hàng năm, nước thải đạt các chỉ số cho phép. Các chất thải rắn thông thường, phế liệu trong quá trình sản xuất được vận chuyển sang cơ sở 2 ở Khu Công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh để đưa vào tái chế, sử dụng. Còn chất thải nguy hại chủ yếu là dầu, mỡ cháy máy, giẻ lau bám dầu mỡ, bóng đèn hỏng, vỏ hộp đựng mực in... được đưa vào phân loại, bảo quản trong thùng phi và lưu giữ tại kho riêng. Hàng năm Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng, bộ phận chuyên trách để vận chuyển, xử lý.

### Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, VBC đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt nhất, cơ hội phát triển năng lực đầy đủ nhất và một đời sống phong phú cả về vật chất và tinh thần.

Đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV: CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Khu nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Công tác chăm lo đời sống cho CBCNV: Người lao động tại công ty được tham gia đủ 3 loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y

tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng như quyền lợi về tiền lương, thưởng, chế độ nghỉ dưỡng. Công ty cũng chú trọng đến chất lượng các bữa ăn của công nhân tại nhà máy. Công ty thường xuyên có chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề cũng như các chính sách lương thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.

Ngoài ra Công ty đã chi thêm tiền ăn, ở hàng ngày cho gần 200 lao động khi thực hiện ăn ở tập trung trên hai địa bàn Nghi Xuân và thành phố Vinh. Chi hỗ trợ mức lương tối thiểu vùng cho số lao động F1, F2 khi thực hiện cách ly tại địa phương và gia đình, bảo đảm được ổn định mức sống sinh hoạt cho người lao động trong thời gian dịch bệnh. Năm 2021 các cấp Công đoàn trong công ty đã tổ chức thăm hỏi hiếu, hỷ 435 lượt đối tượng, với tổng số tiền 226.203.000 đồng

### Đánh giá hoạt động liên quan đến cộng đồng- xã hội

VBC hiểu rằng, sự phát triển của Công ty góp phần tạo nên sự phát triển của địa phương, của xã hội; và ngược lại, sự ủng hộ của cộng đồng địa phương cũng chính là động lực để VBC nỗ lực hơn nữa. Công ty luôn tâm niệm rằng mọi hoạt động công ty đang thực hiện đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc sống của cộng đồng tốt hơn. Do đó, công ty đã tổ chức nhiều hoạt động cộng đồng trong năm qua như: Tổ chức thực hiện thu quỹ mái ấm công nhân theo chương trình "1 tỉ đồng vì người nghèo" đạt 100% đối tượng, với số tiền 23.160.000 đồng. Thu nộp lên trên Quỹ đền ơn đáp nghĩa một ngày lương với số tiền là: 157.117.990 đồng.

Trong năm 2021, VBC đã chi hơn 1.941 triệu đồng chi phí phục vụ phòng chống Covid, trong đó chi ủng hộ cho công tác phòng chống Covid tại Huyện Nghi Xuân và Phường Bến Thủy 110 triệu đồng, nộp lên Tổng công ty ủng hộ nhân dân TP HCM và nhân dân địa bàn 166.877.773 đồng.



### 3. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

#### Nguồn nguyên vật liệu



Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là, hạt nhựa PP, PE, giấy Kraft các loại. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất, Công ty luôn thực hiện lựa chọn cạnh tranh tìm kiếm nhà cung cấp nguyên vật liệu tốt nhất. Nguồn nguyên liệu của Công ty được nhập từ các Công ty cung ứng trong và ngoài nước trong những năm qua tương đối ổn định. Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu hợp lý, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, vật liệu sản xuất được đưa vào tái chế vừa tiết kiệm vừa có lợi cho môi trường xã hội.

#### Tiêu thụ năng lượng



**Nước:** Nước dùng trong sản xuất là nước sạch. Nước thải sinh hoạt được Công ty xử lý bằng trạm xử thải tiên tiến, quy trình xử lý nước thải luôn được tuân thủ nghiêm ngặt, xử lý theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty kiểm soát tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Các biện pháp tiết kiệm nước được Công ty sử dụng:

- Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh tiết kiệm nước (vòi xả tự ngắt, bồn xả tự động,...)
- Thường xuyên có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và có những biện pháp xử lý kịp thời.
- Tái sử dụng nước cho các hoạt động khác của công ty, nhà máy.
- Không sử dụng nước bồn cầu vào những mục đích khác.



**Điện:** Công ty luôn quan tâm vấn đề tiêu thụ điện, tiết kiệm năng lượng và không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra các giải pháp tiết kiệm điện năng khả thi đồng thời nâng cao ý thức chấp hành của cán bộ công nhân viên cũng như đội ngũ lãnh đạo trong việc sử dụng tiết kiệm điện.

- VBC đã và đang cho lắp đặt, nâng cấp toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm, đèn chiếu sáng tự động bật tắt,...)
- Thiết kế văn phòng theo hướng tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên thay vì sử dụng hệ thống chiếu sáng.
- Quy định tắt toàn bộ hệ thống điện sau khi tan làm
- Định kì bảo dưỡng hệ thống nhằm duy trì hiệu suất tối đa cho hệ thống và tiết kiệm năng lượng.
- Duy trì mức nhiệt độ phù hợp 24-27 độ C, tránh chênh lệch quá nhiều với nhiệt độ bên ngoài, Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa nhiệt độ sau 18:00, Quy định mở điều hòa không được mở cửa sổ.

#### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về Bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực Nhà nước. Hệ thống quản lý môi trường tại nhà máy của VBC được tiến hành theo quy trình nghiêm ngặt giúp công ty quản lý và kiểm soát tốt hơn các mối nguy hại về môi trường, qua đó giảm thiểu rủi ro về môi trường của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty luôn nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư đồng thời giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Ngoài ra, Công ty có những chương trình kêu gọi CBCNV sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tiết kiệm

#### Chính sách liên quan đến người lao động



##### Lương thưởng:

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số. Hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn... Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty



##### Chế độ và trợ cấp

Người lao động được hưởng các chế độ bồi dưỡng độc hại, các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở xếp loại lao động và căn cứ vào nguồn quỹ của Công ty định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm người lao động được Công ty trích quỹ khen thưởng hoàn thành kế hoạch dựa theo kết quả xếp loại lao động trong kỳ đó.

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.



##### Đào tạo và phát triển nhân viên:

Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ền lương, phụ cấp theo định mức quy định.

#### Trách nhiệm với cộng đồng



Công ty có các hoạt động đầu tư cộng đồng và phát triển cộng đồng như:

- Tổ chức thực hiện thu quỹ máu ấm công đoàn theo chương trình "1 tỉ đồng vì người nghèo" đạt 100% đối tượng, với số tiền 23.160.000 đồng" đạt 100% đối tượng, với số tiền 23.160.000 đồng.
- Thu nộp lên trên Quỹ đền ơn đáp nghĩa một ngày lương với số tiền là: 157.117.990 đồng.
- Phối hợp phổ biến, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về Kế hoạch hóa gia đình, HIV AIDS, ma túy.
- Trong năm 2021 đã chi hơn 1.941 triệu đồng chi phí phục vụ phòng chống Covid-19, trong đó chi ủng hộ cho công tác phòng chống Covid-19 tại Huyện Nghi Xuân và Phường Bến Thủy 110 triệu đồng, nộp lên Tổng công ty ủng hộ nhân dân TP HCM và nhân dân địa bàn 166.877.773 đồng.

# G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên
Bà Phạm Nguyệt Minh	Thành viên
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban kiểm soát
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/05/2021)
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/05/2021)
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**  
Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Xuân Thọ**  
**Giám đốc**

Ngày 10 tháng 03 năm 2022



Số: 031001/2022/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, từ trang 4 đến trang 33 bao gồm Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thiện Thanh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-1

Hà Nội, Ngày 10 tháng 03 năm 2022

Hoàng Văn Phúc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3362-2020-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>348.984.588.026</b>	<b>320.823.195.428</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>446.301.484</b>	<b>2.936.211.418</b>
1. Tiền	111	V.1	446.301.484	2.936.211.418
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>236.233.167.173</b>	<b>220.327.440.344</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	229.227.490.272	219.230.679.203
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.685.000	483.064.896
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	7.067.812.064	945.031.405
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(82.820.163)	(331.335.160)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>109.768.729.289</b>	<b>96.459.404.563</b>
1. Hàng tồn kho	141		109.768.729.289	96.459.404.563
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.536.390.080</b>	<b>1.100.139.103</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	1.412.372.532	1.100.139.103
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	1.124.017.548	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.056.611.250</b>	<b>102.462.586.117</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.390.385.179</b>	<b>98.493.062.487</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	81.390.385.179	98.493.062.487
- Nguyên giá	222		268.831.963.453	267.969.457.998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(187.441.578.274)	(169.476.395.511)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.666.226.071</b>	<b>3.969.523.630</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	3.666.226.071	3.969.523.630
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>434.041.199.276</b>	<b>423.285.781.545</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>291.825.066.904</b>	<b>289.803.053.070</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>284.833.043.033</b>	<b>277.164.216.160</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	127.717.939.280	101.988.271.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1.437.626.220	2.247.282.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	4.448.837.242	2.649.813.254
4. Phải trả người lao động	314		28.379.522.569	25.922.364.066
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.482.552.631	2.800.644.916
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.370.147.400	1.350.991.627
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	118.922.450.478	139.976.450.552
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		73.967.213	228.397.440
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.992.023.871</b>	<b>12.638.836.910</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	6.980.120.927	12.626.933.966
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11.902.944	11.902.944
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>142.216.132.372</b>	<b>133.482.728.475</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>142.216.132.372</b>	<b>133.482.728.475</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.999.720.000	74.999.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Cổ phiếu quỹ	415		(120.000)	(120.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.654.468.404	29.364.244.491
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.112.069.423	27.668.889.439
- LNST chưa phân phối năm nay	421		28.112.069.423	27.668.889.439
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>434.041.199.276</b>	<b>423.285.781.545</b>

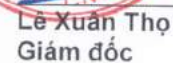


Trần Thị Quế Lâm  
 Người lập biểu  
 Ngày 10 tháng 03 năm 2022



Phan Văn Toàn  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Xuân Thọ  
 Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.026.871.148.582	915.179.323.483
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	198.212.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.026.871.148.582	914.981.111.210
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	940.398.606.019	829.826.287.439
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.472.542.563	85.154.823.771
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.721.438.856	2.209.025.016
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.385.842.770	13.856.391.547
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.907.641.077	11.619.350.150
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	23.459.225.188	20.740.970.383
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	17.832.407.486	17.212.248.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.516.505.975	35.554.238.413
11. Thu nhập khác	31	VI.7	70.328.425	627.548.971
12. Chi phí khác	32	VI.8	300.277.574	1.080.910.965
13. Lợi nhuận khác	40		(229.949.149)	(453.361.994)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.286.556.826	35.100.876.419
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	7.174.487.403	7.431.986.980
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.112.069.423	27.668.889.439
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.625	2.584
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.625	2.584

Trần Thị Quế Lâm  
Người lập biểu  
Ngày 10 tháng 03 năm 2022

Phan Văn Toàn  
Kế toán trưởng




Lê Xuân Thọ  
Giám đốc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Phương pháp trực tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.079.984.453.519	1.008.130.356.480
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(861.695.731.867)	(730.752.072.079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(107.880.269.474)	(128.806.883.485)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(10.955.952.451)	(11.462.622.487)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.388.428.780)	(7.905.509.209)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	901.636.874	12.459.075.413
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(57.485.133.663)	(41.065.945.497)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>38.480.574.158</b>	<b>100.596.399.136</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(774.505.455)	(1.439.853.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	428.340.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.682.192	273.600.220
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(769.823.263)</b>	<b>(737.913.507)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	908.105.507.714	859.180.259.312
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(934.806.320.827)	(945.796.873.549)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.499.820.000)	(13.499.820.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(40.200.633.113)</b>	<b>(100.116.434.237)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(2.489.882.218)</b>	<b>(257.948.608)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.936.211.418	3.194.419.292
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(27.716)	(259.266)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>446.301.484</b>	<b>2.936.211.418</b>

  
Trần Thị Quế Lâm  
Người lập biểu  
Ngày 10 tháng 03 năm 2022

  
Phan Văn Toàn  
Kế toán trưởng

  
Lê Xuân Thọ  
Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 74.999.720.000 đồng tương ứng 7.499.972 cổ phần.

Địa chỉ Công ty tại Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; in bao bì;
- Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krapt, máy móc sản xuất bao bì,...);

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.036 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.075 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ trên máy vi tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí thuê đất, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	02

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng;
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	214.751.039	50.735.714
Tiền gửi ngân hàng	231.550.445	2.885.475.704
<b>Cộng</b>	<b>446.301.484</b>	<b>2.936.211.418</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng mai	37.109.728.106	42.130.811.614
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	30.093.675.904	26.753.552.970
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	23.268.850.000	20.594.733.500
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Nhật Anh	17.771.614.880	9.788.425.500
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	13.775.740.000	14.886.828.705
Công ty TNHH TMDV Vương Minh Sang	13.359.470.740	22.695.288.000
Các đối tượng khác	93.848.410.642	82.381.038.914
<b>Cộng</b>	<b>229.227.490.272</b>	<b>219.230.679.203</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)	<b>512.523.000</b>	-

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	38.812.063	107.415.211
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000.000	834.504.822
- <i>Cầm cố đảm bảo vay ngân hàng (*)</i>	6.000.000.000	834.504.822
Phải thu khác	1.029.000.001	3.111.372
<b>Cộng</b>	<b>7.067.812.064</b>	<b>945.031.405</b>

(\*) Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2021/HĐBĐ/NHCT442 ngày 21/7/2021 cho mục đích đảm bảo cho hợp đồng hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCTCT442-NHỰA, BAO BÌ VINH ngày 21/07/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh; tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 442/2021/19555; mệnh giá 6.000.000.000 đồng; lãi suất 4,9%/năm; ngày phát hành 29/06/2021; ngày đáo hạn 29/06/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Khối 8, phường Bến Thủy,  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.026.175.373	552.111.693
Chi phí sửa chữa TSCĐ	201.286.500	296.521.591
Chi phí bảo hiểm	184.910.659	208.839.153
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	42.666.666
<b>Cộng</b>	<b>1.412.372.532</b>	<b>1.100.139.103</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	788.602.229	734.191.762
Chi phí thuê đất	2.593.259.111	2.703.220.628
Chi phí sửa chữa TSCĐ	263.184.731	482.691.240
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.180.000	49.420.000
<b>Cộng</b>	<b>3.666.226.071</b>	<b>3.969.523.630</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc có thẻ thu hồi VND
Công ty Cổ phần mía đường Sông Lam	-	-	-	45.347.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	-	-	-	41.368.000
Công ty Cổ phần mía đường Nông Công	118.314.519	35.494.356	82.820.163	184.157.259
<b>Cộng</b>	<b>118.314.519</b>	<b>35.494.356</b>	<b>82.820.163</b>	<b>270.872.359</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.684.329.930	-	31.349.417.368	-
Công cụ, dụng cụ	6.485.672.354	-	4.857.584.308	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.936.061.338	-	43.728.360.385	-
Thành phẩm nhập kho	9.690.084.723	-	13.404.370.718	-
Hàng gửi bán	3.972.580.944	-	3.119.671.784	-
<b>Cộng</b>	<b>109.768.729.289</b>	<b>-</b>	<b>96.459.404.563</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm	55.988.071.630	197.339.176.427	13.610.825.162	981.094.779	50.290.000	267.969.457.998					
Mua trong năm	224.505.455	638.000.000	-	-	-	862.505.455					
Phân loại lại	-	-	204.337.636	(204.337.636)	-	-					
Số dư cuối năm	56.212.577.085	197.977.176.427	13.815.162.798	776.757.143	50.290.000	268.831.963.453					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>											
Số dư đầu năm	36.675.082.191	119.845.317.171	11.984.736.926	920.969.223	50.290.000	169.476.395.511					
Khấu hao trong năm	3.507.872.242	13.718.650.412	678.534.553	60.125.556	-	17.965.182.763					
Phân loại lại	-	-	204.337.636	(204.337.636)	-	-					
Số dư cuối năm	40.182.954.433	133.563.967.583	12.867.609.115	776.757.143	50.290.000	187.441.578.274					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Số dư đầu năm	19.312.989.439	77.493.859.256	1.626.088.236	60.125.556	-	98.493.062.487					
Số dư cuối năm	16.029.622.652	64.413.208.844	947.553.683	-	-	81.390.385.179					

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 59.443.755.631 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 40.261.245.569 đồng).

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với giá trị là 103.069.336.346 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 91.475.943.400 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**  
 Khối 8, phường Bến Thủy,  
 Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**MẪU SỐ B 09 - DN**  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	21.587.982.430	21.587.982.430	21.841.890.050	21.841.890.050
Công ty Cổ phần Stavian hóa chất	21.162.400.003	21.162.400.003	-	-
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	20.368.000.000	20.368.000.000	9.471.600.003	9.471.600.003
Công ty Cổ phần hóa chất nhựa Đà Nẵng	10.200.000.000	10.200.000.000	677.750.000	677.750.000
Công ty TNHH Minh Hoàng	8.907.327.735	8.907.327.735	5.996.206.563	5.996.206.563
Các đối tượng khác	45.492.229.112	45.492.229.112	64.000.825.075	64.000.825.075
<b>Cộng</b>	<b>127.717.939.280</b>	<b>127.717.939.280</b>	<b>101.988.271.691</b>	<b>101.988.271.691</b>

**Các khoản phải trả cho các bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)

5.225.100.000

**9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vienovo Philippines Inc	455.800.000	461.800.000
Png Taiheyo Cement Limited	444.920.000	-
Polyester Fabric Sdn Bhd	200.463.097	374.142.433
Các đối tượng khác	336.443.123	1.411.340.181
<b>Cộng</b>	<b>1.437.626.220</b>	<b>2.247.282.614</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>								
Thuế giá trị gia tăng	972.466.548	-	-	972.466.548	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	151.551.000	463.580.518	463.580.518	615.131.518	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.124.017.548</b>	<b>463.580.518</b>	<b>463.580.518</b>	<b>1.587.598.066</b>	<b>1.587.598.066</b>	<b>1.587.598.066</b>	<b>1.587.598.066</b>	<b>-</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>								
Thuế giá trị gia tăng	-	10.399.349.674	10.399.349.674	11.314.537.673	11.314.537.673	915.187.999	915.187.999	-
Thuế nhập khẩu, xuất khẩu	-	52.493.469	52.493.469	4.388.428.780	4.388.428.780	1.644.897.084	1.644.897.084	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.430.955.707	7.174.487.403	7.174.487.403	1.826.321.675	1.826.321.675	84.431.109	84.431.109	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.881.535	1.759.772.101	1.759.772.101	18.367.064	18.367.064	5.297.062	5.297.062	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	13.070.002	13.070.002	4.000.000	4.000.000	-	-	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.448.837.242</b>	<b>19.403.172.649</b>	<b>19.403.172.649</b>	<b>17.604.148.661</b>	<b>17.604.148.661</b>	<b>2.649.813.254</b>	<b>2.649.813.254</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**Khối 8, phường Bến Thủy,  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay trích trước	82.394.972	130.706.346
Lương phép, lương lễ, lương làm thêm giờ và lương năng suất	2.355.157.659	2.579.938.570
Các khoản trích trước khác	45.000.000	90.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.482.552.631</b>	<b>2.800.644.916</b>

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	1.254.220.802	1.117.374.141
Bảo hiểm xã hội	2.418.022	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	113.508.576	233.617.486
<b>Cộng</b>	<b>1.370.147.400</b>	<b>1.350.991.627</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An {i}	23.827.021.774	23.827.021.774	461.412.267.337	444.726.063.488	7.140.817.925	7.140.817.925
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh {ii}	6.453.350.000	6.453.350.000	144.831.750.399	192.209.921.625	53.831.521.226	53.831.521.226
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nghệ An {iii}	53.489.659.340	53.489.659.340	285.761.489.978	257.846.055.675	25.574.225.037	25.574.225.037
Vay cá nhân ngắn hạn {iv}	31.842.000.000	31.842.000.000	16.100.000.000	23.400.000.000	39.142.000.000	39.142.000.000
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	<b>115.612.031.114</b>	<b>115.612.031.114</b>	<b>908.105.507.714</b>	<b>918.182.040.788</b>	<b>125.688.564.188</b>	<b>125.688.564.188</b>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3.310.419.364</b>	<b>3.310.419.364</b>			<b>14.287.886.364</b>	<b>14.287.886.364</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	1.182.400.000	1.182.400.000			10.336.821.900	10.336.821.900
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh	-	-			1.141.576.000	1.141.576.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nghệ An	2.128.019.364	2.128.019.364			2.809.488.464	2.809.488.464
<b>Cộng</b>	<b>118.922.450.478</b>	<b>118.922.450.478</b>			<b>139.976.450.552</b>	<b>139.976.450.552</b>

{i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng cấp tín dụng theo hạn mức số 224/CTD21/NAN ngày 13/07/2021. Tổng hạn mức tín dụng là 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng), trong đó hạn mức cho vay tối đa ngoại tệ là 4.000.000 USD. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo các khoản vay trên chi tiết xem tại Thuyết minh số V.14i.

{ii} Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh theo hợp đồng hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCTCT442-NHƯA, BAO BÌ VINH ngày 21/07/2021. Tổng hạn mức tín dụng cấp là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp động sản số 01-2016/HĐTC được ký kết ngày 09/12/2016, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01-2017/HĐTC ngày 20/07/2017, 01/2018/HĐBĐ/NHCT442-BAO BÌ VINH ngày 26/12/2018, hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT442 ngày 25/05/2018, Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT442-BAO BÌ VINH ngày 31/10/2019, Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT442-BAO BÌ VINH ngày 07/07/2021, Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2021/HĐBĐ/NHCT-442 ngày 21/07/2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)**

{iii} Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng hạn mức số 42936.21.810.367001.TD ngày 12/08/2021. Tổng hạn mức tín dụng một là 55 tỷ đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng); hạn mức hai là 110 tỷ đồng (Một trăm mười tỷ đồng) khi khách hàng có nhu cầu sử dụng vượt giá trị hạn mức tín dụng một và được Ngân hàng chấp thuận cho sử dụng hạn mức tín dụng hai. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 09/07/2022. Mục đích cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh bao bì. Thời hạn tối đa mỗi khoản tín dụng không vượt quá 06 tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ khoản phải thu luân chuyển đảm bảo tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa 30%; Tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An phát hành,.... hàng tồn kho luân chuyển là nguyên vật liệu tại 3 kho: Nhà máy 1 (địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, Nghệ An); Nhà máy 2+3 (địa chỉ: xã Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) theo từng hạn mức tín dụng qui định của Ngân hàng.

{iv} Vay cá nhân theo các hợp đồng vay tín dụng từng lần với lãi suất 7%/năm. Thời hạn vay dưới 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>10.290.540.291</b>	<b>10.290.540.291</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An {}	4.434.000.000	4.434.000.000	-	16.624.280.039	26.914.820.330	26.914.820.330
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh	-	-	-	12.673.295.575	17.107.295.575	17.107.295.575
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nghệ An {}	5.856.540.291	5.856.540.291	-	1.141.496.000	1.141.496.000	1.141.496.000
<b>Cộng</b>	<b>10.290.540.291</b>	<b>10.290.540.291</b>		<b>16.624.280.039</b>	<b>26.914.820.330</b>	<b>26.914.820.330</b>
<b>Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>(3.310.419.364)</b>	<b>(3.310.419.364)</b>				
(được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)						
<b>Cộng Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>6.980.120.927</b>	<b>6.980.120.927</b>				
					<b>(14.287.886.364)</b>	<b>(14.287.886.364)</b>
					<b>12.626.933.966</b>	<b>12.626.933.966</b>

{i} Khoản vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng cho vay trung dài hạn số 296/DTDA17/INAN.KHDN ngày 27/05/2019. Số tiền cho vay tối đa 14.434.000.000 đồng (Mười bốn tỷ bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng). Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay để phát hành và thanh toán LC nhập khẩu dây chuyền sản xuất bao dán dây ad\*starKon SX +120, máy xe băng slitTEC700, thiết bị kiểm tra độ thoát khí và phụ tùng phụ kiện để xuất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng số Star/Vinh/0319/MA2986665 ngày 22/03/2019. Lãi suất cho vay bằng VNĐ là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân có kỳ hạn 12 tháng + Margin theo từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH  
Khởi 8, phường Bến Thủy,  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

MÃ SỐ B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

*Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An được đảm bảo theo các hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản sau:*

Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 716660 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/07/2012 theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 170TC12/NHNT ký ngày 17/07/2012.

Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 481982 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/05/2012 theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 63/TC13/NHNT ký ngày 09/04/2013.

Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 481982 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/05/2012 theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 145/TC16/MIN.KHDN ký ngày 25/08/2016.

Máy móc thiết bị, xe máy chuyển dùng theo Hợp đồng thuê chấp số 41/TC12 ký ngày 29/02/2012.

Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 204TC14/NHNT ngày 15/04/2014.

Tài sản máy móc thiết bị là tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản 05TC16/MIN-KHDN ngày 13/01/2016 và 140TC16/MIN-KHDN ngày 25/08/2016.

Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp số 200/TC17/NAN.KHDN ngày 16/11/2017.

Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp số 31/TC19/VCB-NAN ngày 16/05/2019.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng cho vay số 9472.19810.367001.TD ngày 01/04/2019 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nghệ An. Tổng số tiền cho vay VNĐ tương đương 407.520 USD. Mục đích vay vốn: giải ngân thanh toán LC nhập khẩu máy móc thiết bị theo hợp đồng số VIP-AX1903 ngày 18/03/2019 ký với Axiplast Corporation và Hợp đồng số VIP-JY-1903 ngày 18/03/2019 ký với Jenn Yeou Machinery Co., Ltd. Thời hạn cho vay tối đa 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn rút vốn 20 tháng kể từ ngày 28/03/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay: 01 Máy in Flexographic 06 màu (of-line) và 01 máy tráng ghép màn.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Trong vòng một năm	3.310.419.364	14.287.886.364
Trong năm thứ hai	3.310.419.364	3.310.419.364
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.669.701.563	9.316.514.602
<b>Cộng</b>	<b>10.290.540.291</b>	<b>26.914.820.330</b>
	3.310.419.364	14.287.886.364
	<b>6.980.120.927</b>	<b>12.626.933.966</b>

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng  
(được trình bày ở phần vay ngắn hạn)

**Số phải trả sau 12 tháng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND				VND	VND	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>1.449.994.545</b>		<b>(120.000)</b>	<b>20.546.637.741</b>	<b>28.478.343.137</b>	<b>125.474.575.423</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	27.668.889.439	27.668.889.439	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	8.817.606.750	(14.978.523.137)	(6.160.916.387)	
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(13.499.820.000)	(13.499.820.000)	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>1.449.994.545</b>		<b>(120.000)</b>	<b>29.364.244.491</b>	<b>27.668.889.439</b>	<b>133.482.728.475</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	28.112.069.423	28.112.069.423	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(13.499.820.000)	(13.499.820.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(5.667.627.776)	(5.667.627.776)	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	8.290.223.913	(8.290.223.913)	-	
Thường Ban điều hành (*)	-	-	-	-	-	(211.217.750)	(211.217.750)	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>1.449.994.545</b>		<b>(120.000)</b>	<b>37.654.468.404</b>	<b>28.112.069.423</b>	<b>142.216.132.372</b>	<b>VND</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 200/NQ-DHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021. Theo đó, việc phân phối lợi nhuận như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	8.290.223.913 đồng
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.667.627.776 đồng
Chia cổ tức 18%/VDL	13.499.820.000 đồng
Thường ban quản lý điều hành	211.217.750 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b. Cổ phiếu:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>7.499.972</b>	<b>7.499.972</b>
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>12</b>	<b>12</b>
- Cổ phiếu phổ thông	12	12
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.499.960</b>	<b>7.499.960</b>
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

**16. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Dollar Mỹ (USD)	1.846	41.825.379	1.579	36.327.480

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>1.026.871.148.582</b>	<b>915.179.323.483</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hàng hóa, nguyên vật liệu	86.498.461.153	57.030.841.587
- Doanh thu thành phẩm và bán thành phẩm	940.372.687.429	858.127.508.550
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	20.973.346
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>198.212.273</b>
- Giảm giá hàng bán	-	198.212.273
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.026.871.148.582</b>	<b>914.981.111.210</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	82.296.399.644	56.223.675.514
Giá vốn thành phẩm và bán thành phẩm	858.102.206.375	773.602.611.925
<b>Cộng</b>	<b>940.398.606.019</b>	<b>829.826.287.439</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	156.582.193	273.600.220
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.564.856.663	1.935.424.796
<b>Cộng</b>	<b>2.721.438.856</b>	<b>2.209.025.016</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	10.907.641.077	11.619.350.150
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.295.244.587	2.237.041.397
Chi phí tài chính khác	182.957.106	-
<b>Cộng</b>	<b>12.385.842.770</b>	<b>13.856.391.547</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.438.551.160	1.339.149.526
Chi phí vật liệu, bao bì	2.343.041.063	1.625.128.342
Khấu hao tài sản cố định	340.490.622	1.270.793.672
Dịch vụ mua ngoài	18.646.314.287	15.810.050.269
Chi phí bằng tiền khác	690.828.056	695.848.574
<b>Cộng</b>	<b>23.459.225.188</b>	<b>20.740.970.383</b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.711.520.361	8.479.217.924
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	361.335.013	955.017.473
Khấu hao tài sản cố định	294.328.887	324.006.437
Thuế, phí, lệ phí	474.633.984	165.468.083
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(248.514.997)	79.349.460
Dịch vụ mua ngoài	840.569.718	604.504.330
Chi phí bằng tiền khác	7.398.534.520	6.604.684.737
<b>Cộng</b>	<b>17.832.407.486</b>	<b>17.212.248.444</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	389.400.000
Thu từ tiền phạt nhân viên vi phạm nội quy lao động	-	178.903.611
Lãi thanh lý công cụ, dụng cụ	46.907.850	40.807.273
Dự thu lãi tài khoản ký quỹ	-	-
Các khoản thu khác	23.420.575	18.438.087
<b>Cộng</b>	<b>70.328.425</b>	<b>627.548.971</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vỡ bao hàng rách vỡ	236.089.357	176.450.397
Phạt vi phạm pháp luật thuế, hành chính	2.256.602	46.960.632
Chi phí thuế TNCN từ huy động vốn kinh doanh	-	200.000
Chi phí dựn dự án NM 04	20.700.000	579.909.364
Các khoản chi khác	41.231.615	277.390.572
<b>Cộng</b>	<b>300.277.574</b>	<b>1.080.910.965</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>35.286.556.826</b>	<b>35.100.876.419</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	10.364.116	3.320.028
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	596.244.306	1.444.587.511
Thu nhập chịu thuế	35.872.437.016	36.542.143.902
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>7.174.487.403</b>	<b>7.308.428.780</b>
Truy thu theo Quyết định thanh tra thuế	-	123.558.200
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.174.487.403</b>	<b>7.431.986.980</b>

**10. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.112.069.423	27.668.889.439
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành ước tính (*)	(8.423.010.641)	(8.290.223.913)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.689.058.782	19.378.665.526
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.499.960	7.499.960
<b>Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.625</b>	<b>2.584</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**10. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**

(\*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 200/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2020, Công ty ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 334/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 06 năm 2020. Do đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.668.889.439	-	27.668.889.439
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(5.985.601.686)	(2.304.622.227)	(8.290.223.913)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.683.287.753	(2.304.622.227)	19.378.665.526
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.499.960	-	7.499.960
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.891		2.584

**11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	649.758.009.204	586.581.562.923
Chi phí nhân công	131.814.762.601	130.647.583.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.965.182.763	20.487.230.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.480.138.054	59.044.335.130
Chi phí khác bằng tiền	9.989.781.063	9.726.812.503
<b>Cộng</b>	<b>873.007.873.685</b>	<b>806.487.524.454</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm:</b>	<b>908.105.507.714 đồng</b>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	908.105.507.714 đồng
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:</b>	<b>934.806.320.827 đồng</b>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	934.806.320.827 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VIII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty TNHH 1 Thành Viên Du lịch Trường Sơn COECCO	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn (Đã dừng hoạt động)	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Xây dựng Coecco - Lào (Thành lập ở Lào)	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty phát triển miền núi (Thành lập ở Lào)	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty khoáng sản COECCO (Thành lập ở Lào)	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần nước khoáng và du lịch Sơn Kim Hà Tĩnh	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH 1 TV Khoáng sản và luyện kim Viêng Chăn	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần gạch ngói 30/4	Công ty liên kết cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Coecco	Công ty liên kết cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu	Công ty liên kết cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần An Thành BICSOL	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
An Thanh Biscol Singapore PTE Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần nhựa bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty TNHH KCN kỹ thuật cao An Phát	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty CP KCN Kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	735.100.000	-
Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh	186.732.000	-
Công ty Cổ phần nhựa bao bì An Vinh	910.080.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.831.912.000</b>	-
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh	88.952.727	-
Công ty Cổ phần An Thành BICSOL	5.793.715.455	-
Công ty Cổ phần nhựa bao bì An Vinh	1.050.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	1.271.727.271	-
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	-	3.953.087.400
<b>Cộng</b>	<b>7.155.445.453</b>	<b>3.953.087.400</b>
	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần nhựa bao bì An Vinh	512.523.000	-
<b>Cộng</b>	<b>512.523.000</b>	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần An Thành BICSOL	4.692.600.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	532.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.225.100.000</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác</b>		
Ông Ngô Quang Việt - Chủ tịch HĐQT	78.024.960	67.392.000
Ông Phan Trí Nghĩa - Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	105.300.000
Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc; Thành viên HĐQT	432.918.720	516.672.000
Ông Nguyễn Hữu Sơn - Phó Giám đốc	328.440.000	322.966.000
Ông Phan Văn Toàn - Kế toán trưởng; Thành viên HĐQT	355.878.720	424.224.000
Ông Cao Xuân Vinh - Nguyên Phó Giám đốc	-	98.532.000
Ông Nguyễn Hữu Long - Nguyên Thành viên HĐQT	-	16.848.000
Ông Nguyễn Trung Kiên - Thành viên HĐQT	58.518.720	50.544.000
Bà Phạm Nguyệt Minh - Thành viên HĐQT	58.518.720	67.392.000
<b>Lương, thù lao Ban kiểm soát</b>		
Ông Trần Ngọc Sâm - Trưởng Ban kiểm soát	297.360.000	356.832.000
Ông Đinh Xuân Cường - Nguyên Thành viên BKS	15.492.456	53.524.800
Phạm Đỗ Huy Cường - Thành viên BKS	30.984.912	-
Bà Nguyễn Thị Minh Trang - Thành viên BKS	46.477.368	53.524.800
<b>Cộng</b>	<b>1.702.614.576</b>	<b>2.133.751.600</b>

**2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**  
Khố 8, phường Bến Thủy,  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**MẪU SỐ B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Năm nay	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<b>Tổng doanh thu phân bổ</b>	<b>820.347.792.094</b>	<b>206.523.356.488</b>	<b>1.026.871.148.582</b>
Tổng chi phí phân bổ	795.251.215.945	168.606.615.262	963.857.831.207
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>25.096.576.149</b>	<b>37.916.741.226</b>	<b>63.013.317.375</b>
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			2.791.767.281
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			37.693.015.233
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>17.434.475.534</b>	<b>4.389.146.214</b>	<b>21.823.621.748</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			844.656.000
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>17.434.475.534</b>	<b>4.389.146.214</b>	<b>21.823.621.748</b>
<b>Năm trước</b>			
<b>Tổng doanh thu phân bổ</b>	<b>736.910.785.852</b>	<b>180.005.458.538</b>	<b>916.916.244.390</b>
Tổng chi phí phân bổ	695.287.977.294	157.823.513.636	853.111.490.930
<b>Kết quả của bộ phận</b>	<b>41.622.808.558</b>	<b>22.181.944.902</b>	<b>63.804.753.460</b>
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			901.440.807
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			37.037.304.828
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>17.606.752.057</b>	<b>4.300.807.558</b>	<b>21.907.559.615</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1.439.853.727
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>17.606.752.057</b>	<b>4.300.807.558</b>	<b>21.907.559.615</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận			229.227.490.272
Các tài sản không phân bổ của bộ phận	208.147.482.266	21.080.008.006	204.813.709.004
<b>Tổng tài sản</b>			<b>434.041.199.276</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận	-	-	291.825.066.904
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>291.825.066.904</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận			219.713.744.099
Các tài sản không phân bổ của bộ phận	199.111.471.155	20.602.272.944	203.572.037.446
<b>Tổng tài sản</b>			<b>423.285.781.545</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			104.235.554.305
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận	102.140.482.091	2.095.072.214	185.567.498.765
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>289.803.053.070</b>

**Lĩnh vực kinh doanh**

Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bao bì và vật tư bao bì. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**  
Khối 8, phường Bến Thủy,  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**MẪU SỐ B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

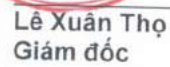
Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.



Trần Thị Quế Lâm  
Người lập biểu  
Ngày 10 tháng 03 năm 2022



Phan Văn Toàn  
Kế toán trưởng



Lê Xuân Thọ  
Giám đốc

